

Số: /TTr-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**Xin ý kiến về dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn  
ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**I. VẤN ĐỀ TRÌNH**

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến về dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa.

**II. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ, THỰC TIỄN**

**1. Cơ sở chính trị**

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Kết luận số 74-KL/TU ngày 29/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các tờ trình, báo cáo lĩnh vực tài chính - ngân sách năm 2025, năm 2026, giai đoạn 2026 - 2028, 2026 - 2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thanh Hóa.

- Kết luận số 343-KL/TU ngày 15/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về danh mục các dự án đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

- Kết luận số 365-KL/TU ngày 17/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Cơ sở pháp lý**

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025.

- Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025.

- Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư

công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030; số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03/02/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025.

- Nghị quyết của Quốc hội: Số 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 246/2025/QH15 ngày 14/11/2025 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026.

- Nghị định của Chính phủ: Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

- Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- Công văn số 8536/BTC-TH ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính về việc thông báo mức vốn đầu tư công dự kiến nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

### **3. Cơ sở thực tiễn**

Ngày 17/6/2025, Bộ Tài chính có Công văn số 8536/BTC-TH thông báo dự kiến tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh là 36.895,056 tỷ đồng; tuy nhiên, số liệu này không còn phù hợp do cả nước thực hiện sáp nhập các tỉnh, thành phố và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đến nay, Trung ương chưa thông báo mới dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 cho tỉnh.

Căn cứ dự kiến tổng thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, dự kiến kế hoạch vay, trả nợ 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh, Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương và nhu cầu của các dự án trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa xin ý kiến HĐND tỉnh.

### **III. THẨM QUYỀN**

- Tại khoản 2 Điều 88 Luật Đầu tư công năm 2024 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp: “2. Xem xét, cho ý kiến về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.”.

- Tại điểm b khoản 4 Điều 43 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2024: “*Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước: 4. Căn cứ quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: ...; b) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.*”.

Căn cứ các quy định nêu trên, HĐND tỉnh có thẩm quyền cho ý kiến về dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa.

#### **IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN**

##### **1. Các bước đã thực hiện**

- Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, các quy định liên quan và tình hình thực tế, Sở Tài chính đã xây dựng dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh tại Công văn số 12711/STC-THQH ngày 26/11/2025.

- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh đã có Tờ trình số 118-TTr/ĐU ngày 27/11/2025 xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cho ý kiến chỉ đạo tại Kết luận số 74-KL/TU ngày 29/11/2025.

- Ngày 07/4/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Công văn số 386-CV/TU giao Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, đánh giá các dự án giao thông đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương để đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030. Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh đã báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Tờ trình số 265-TTr/ĐU ngày 09/4/2026; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cho ý kiến chỉ đạo tại Kết luận số 343-KL/TU ngày 15/4/2026.

- Căn cứ Kết luận số 74-KL/TU ngày 29/11/2025, số 343-KL/TU ngày 15/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, các quy định liên quan, kết quả làm việc với Bộ Tài chính và tình hình thực tế, Sở Tài chính đã hoàn thiện dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh tại Công văn số 4308/STC-THQH ngày 22/4/2026.

- UBND tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh đã nghe báo cáo, cho ý kiến đối với nội dung đề xuất của Sở Tài chính. Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh đã có Tờ trình số 285-TTr/ĐU ngày 03/5/2026 xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xem xét, cho ý kiến chỉ đạo tại Kết luận số 365-KL/TU ngày 17/5/2026.

- Thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Tài chính đã hoàn thiện dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa; báo cáo UBND tỉnh tại Công văn số 5744/STC-THQH ngày 22/5/2026.

## **2. Các bước thực hiện tiếp theo**

- UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến về dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

## **V. NỘI DUNG TRÌNH**

### **V.1. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO TỈNH QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

#### **1. Tổng thu ngân sách nhà nước của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025**

Tổng thu ngân sách nhà nước của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 247.241,7 tỷ đồng<sup>1</sup>, tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm đạt 11,8%; gồm:

- Thu nội địa: 157.236,8 tỷ đồng; trong đó, thu tiền sử dụng đất 67.720,4 tỷ đồng, chiếm 43,1% tổng thu, gấp 2,1 lần dự toán<sup>2</sup>.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 89.286,3 tỷ đồng.

- Thu viện trợ, huy động, đóng góp khác: 718,6 tỷ đồng.

#### **2. Tình hình phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025**

##### **2.1. Tổng nguồn vốn**

##### **a) Tổng kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Thanh Hóa (bao gồm Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội) được Thủ tướng Chính phủ giao là 48.278,432 tỷ đồng<sup>3</sup>; trong đó:

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 31.795,1 tỷ đồng<sup>4</sup>.

- Vốn ngân sách Trung ương: 13.984,435 tỷ đồng<sup>5</sup>.

<sup>1</sup> Trong đó: Năm 2021: 40.758,7 tỷ đồng; năm 2022: 51.173,3 tỷ đồng; năm 2023: 43.293,7 tỷ đồng; năm 2025: 56.924,2 tỷ đồng; dự kiến năm 2025: 55.091,8 tỷ đồng.

<sup>2</sup> Tổng dự toán thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 (không bao gồm số ghi thu - ghi chi) là 31.850 tỷ đồng.

<sup>3</sup> Trong đó: (1) Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 và Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 là 42.001,063 tỷ đồng; (2) Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 là 4.590,314 tỷ đồng; (3) Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/01/2023 là 440,055 tỷ đồng; (4) Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 08/3/2023 là 937 tỷ đồng; (5) Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023 là 310 tỷ đồng.

<sup>4</sup> Gồm: (1) Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 23.465 tỷ đồng; (2) vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 120 tỷ đồng; (3) vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 223,5 tỷ đồng; (4) vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong nước 7.986,6 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài): 2.498,897 tỷ đồng.

*b) Tổng kế hoạch vốn được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao*

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh (bao gồm Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội) được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao là 70.213,283 tỷ đồng, tăng 21.934,851 tỷ đồng so với Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó giao tăng: 13.867,43 tỷ đồng nguồn thu tiền sử dụng đất; 770 tỷ đồng nguồn vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương; 7.292,421 tỷ đồng vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh, vốn Trung ương hỗ trợ (vốn dự bị động viên); 05 tỷ đồng nguồn thu xổ số kiến thiết.

Việc điều chỉnh tăng tổng mức kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nêu trên nhằm đảm bảo phù hợp với số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm và khả năng thu thực tế nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết hằng năm theo khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, bố trí một phần vốn tăng thu, tiết kiệm chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư phát triển.

**2.2. Về phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025**

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do tỉnh quản lý đã được phân bổ cụ thể cho khoảng 502 dự án, nhiệm vụ, chương trình<sup>6</sup>, với tổng số vốn là 70.213,283 tỷ đồng, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

**3. Tình hình phân bổ và thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm giai đoạn 2021 - 2025**

**3.1. Về phân bổ, giao kế hoạch hằng năm**

Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, tình hình thực tế, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao chi tiết kế hoạch hằng năm cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh là 64.598,675 tỷ đồng, bằng 92% kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do tỉnh phê duyệt, cụ thể:

<sup>5</sup> Gồm: (1) Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực 5.970,066 tỷ đồng; (2) vốn NSTW đầu tư các dự án trọng điểm, kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững 2.047 tỷ đồng; (3) vốn NSTW thực hiện 03 chương trình MTQG 5.030,369 tỷ đồng; (4) vốn NSTW thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội 937 tỷ đồng.

<sup>6</sup> Trong đó, các nội dung, nhiệm vụ sau được tính thành 01 dự án (hoặc 01 nội dung, nhiệm vụ): Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các công trình trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và công sở xã trên địa bàn tỉnh; vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện, xã; vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương; vốn đối ứng cho các dự án ODA; vốn vay lại từ Chính phủ để bố trí cho các dự án ODA; bố trí bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ tài chính ngoài ngân sách; chi đo đạc, lập bản đồ địa chính; bố trí thực hiện công tác GPMB, tái định cư; bố trí thực hiện di dân tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ ống, lũ quét; chi bồi thường GPMB và đầu tư hạ tầng đối với các dự án khai thác quỹ đất do tỉnh quản lý; bố trí kinh phí lập quy hoạch.

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 43.031,485 tỷ đồng<sup>7</sup>.
- Vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước và các Chương trình MTQG, phục hồi kinh tế xã hội): 13.524,907 tỷ đồng<sup>8</sup>.
- Vốn nước ngoài (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài) 2.288,756 tỷ đồng.
- Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh, ngân sách trung ương hỗ trợ (vốn dự bị động viên): 5.753,527 tỷ đồng.

### ***3.2. Về tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch hằng năm***

Sau khi phân bổ, giao kế hoạch chi tiết, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân hết kế hoạch vốn hằng năm; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong huy động nguồn lực, quản lý đầu tư, quản trị dự án sau đầu tư; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các dự án; khắc phục kịp thời những hạn chế, yếu kém, tiêu cực trong quản lý đầu tư; tăng cường kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công và hiệu lực quản lý nhà nước; đảm bảo công khai, minh bạch trong quá trình lập, phân bổ, quản lý và triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công của tỉnh.

Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của tỉnh quản lý luôn đứng trong nhóm các tỉnh có tỷ lệ giải ngân cao của cả nước; ước tổng số vốn giải ngân của kế hoạch đầu tư công hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 61.743,03 tỷ đồng, bằng 95,57% kế hoạch.

## **V.2. DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO TỈNH QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

### **1. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030**

**1.1.** Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025, Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03/02/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản khác có liên quan, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

<sup>7</sup> Gồm: (1) Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 34.535,551 tỷ đồng; (2) vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 125 tỷ đồng; (3) vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 7.377,434 tỷ đồng; (4) vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 993,5 tỷ đồng.

<sup>8</sup> Gồm: (1) Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực 5.522,569 tỷ đồng; (2) Vốn NSTW đầu tư các dự án trọng điểm, kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững 2.047 tỷ đồng; (3) Vốn đầu tư các Chương trình MTQG 5.018,339 tỷ đồng; (4) Vốn Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội 936,999 tỷ đồng.

**1.2.** Phân bổ vốn phải tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, tránh lãng phí, bảo đảm sử dụng hiệu quả vốn đầu tư; sát thực tiễn; không bố trí vốn cho các chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

**1.3.** Nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu tập trung bố trí cho các dự án có quy mô từ nhóm B trở lên (không bao gồm các dự án thuộc chương trình MTQG) thực hiện các mục tiêu, đột phá chiến lược; tạo xung lực chuyển đổi trạng thái, tạo động lực và không gian phát triển mới; phù hợp với Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**1.4.** Thứ tự ưu tiên trong phân bổ vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công năm 2024 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15; cụ thể:

a) Phân bổ đủ vốn cho dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt, dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt và dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2026 - 2030, nhưng không vượt hạn mức vốn đầu tư công do tỉnh đầu tư.

b) Phân bổ đủ vốn cho các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, gồm: Trả nợ gốc vốn vay cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài; bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; thực hiện đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính; đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài; bố trí cho các dự án thực hiện di dân tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất tại các xã khu vực miền núi của tỉnh; cầu dân sinh để kết nối các khu vực dân cư thường xuyên bị chia cắt khi có thiên tai, mưa lũ trên địa bàn các xã khu vực miền núi; đối ứng cho các dự án thuộc các Chương trình MTQG; các dự án trụ sở làm việc của các cơ quan Đảng và nhà nước; các công trình phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; bố trí vốn ủy thác thực hiện cơ chế chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

c) Sau khi đã phân bổ đủ vốn cho các dự án, nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên nêu trên, nếu còn vốn thì mới bố trí cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 54 Luật Đầu tư công năm 2024; các dự án khởi công mới phải là dự án trọng điểm, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các dự án đã được cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030, các dự án đã có trong quy hoạch tỉnh, các dự án có trong Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các dự án quan trọng, cấp thiết.

**1.5.** Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án không vượt quá hai lần mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được giao theo từng nguồn vốn cho tỉnh<sup>9</sup>.

<sup>9</sup> Quy định tại khoản 15 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15.

## **2. Dự kiến tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ dự kiến tổng thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, dự kiến kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan địa phương và nhu cầu của các dự án trên địa bàn tỉnh, dự kiến tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh khoảng **84.419,286** tỷ đồng (chưa bao gồm vốn 05 Chương trình MTQG), tăng 20,2% so với giai đoạn 2021 - 2025, bình quân 16.883,857 tỷ đồng/năm; dự kiến được phân bổ để thực hiện khoảng 327 nhiệm vụ, dự án<sup>10</sup>, bằng 65,14% (giảm 34,86%) so với giai đoạn 2021 - 2025<sup>11</sup>, trong đó:

### **2.1. Chia theo nguồn vốn:**

a) Vốn ngân sách địa phương: 62.579,036 tỷ đồng, tăng 34,8% so với giai đoạn 2021 - 2025; cụ thể:

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 52.615 tỷ đồng<sup>12</sup> (điều tiết về ngân sách cấp xã 33.115 tỷ đồng; điều tiết về ngân sách cấp tỉnh 19.500 tỷ đồng).
- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 225 tỷ đồng<sup>13</sup>.
- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 1.339,036 tỷ đồng<sup>14</sup>.
- Vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 8.400 tỷ đồng<sup>15</sup>.

b) Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu (vốn trong nước): 20.197,427 tỷ đồng<sup>16</sup>.

<sup>10</sup> Trong đó, các nội dung, nhiệm vụ sau được tính thành 01 dự án (hoặc 01 nội dung, nhiệm vụ): Các công trình trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước; xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn các xã miền núi; xây dựng trường học trên địa bàn các xã miền núi; vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp xã; vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương; vốn đối ứng cho các dự án ODA; bố trí bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ tài chính ngoài ngân sách; chi đo đạc, lập bản đồ địa chính; bố trí thực hiện công tác GPMB, tái định cư; bố trí thực hiện di dân tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ ống, lũ quét; bố trí kinh phí lập quy hoạch; bố trí vốn ủy thác thực hiện cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội; bố trí vốn đối ứng GPMB và đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các dự án Trường nội trú liên cấp tại 16 xã biên giới đất liền.

<sup>11</sup> Giai đoạn 2021 - 2025 là 502 dự án, nhiệm vụ, chương trình, với tổng số vốn 70.213,283 tỷ đồng.

<sup>12</sup> Theo báo cáo của Thuế tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến tổng thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đạt 61.900 tỷ đồng; căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, 15% tổng số thu tiền sử dụng đất (tương đương 9.285 tỷ đồng) sẽ điều tiết về ngân sách trung ương, phần còn lại 85% (tương đương 52.615 tỷ đồng) được giữ lại tỉnh.

Giả thiết tỷ lệ dự kiến phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đang tham mưu năm 2026 tiếp tục giữ nguyên đến hết năm 2030 thì tỷ lệ thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh khoảng 37% (tương đương 19.500 tỷ đồng), tỷ lệ thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp xã khoảng 63% (tương đương 33.115 tỷ đồng).

<sup>13</sup> Xác định theo số thu dự kiến của Thuế tỉnh Thanh Hóa là 225 tỷ đồng.

<sup>14</sup> Xác định theo nhu cầu thực tế của các dự án.

<sup>15</sup> Tại Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn năm 2026 nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước cho tỉnh là 1.680,1 tỷ đồng. Dự kiến các năm tiếp theo bằng năm 2026, thì dự kiến nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước giai đoạn 2026 - 2030 là 8.400 tỷ đồng.

<sup>16</sup> Xác định theo dự kiến nhu cầu của các dự án trên địa bàn tỉnh.



c) Vốn nước ngoài: 1.642,823 tỷ đồng<sup>17</sup>.

## **2.2. Chia theo cấp có thẩm quyền phân bổ:**

a) Nguồn vốn do cấp xã phân bổ: 33.115 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn do cấp tỉnh phân bổ: 51.304,286 tỷ đồng.

*(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).*

## **3. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch**

Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh là 84.419,286 tỷ đồng như sau:

### **3.1. Nguồn vốn do cấp xã phân bổ: 33.115 tỷ đồng.**

### **3.2. Nguồn vốn do cấp tỉnh phân bổ: 51.304,286 tỷ đồng, trong đó:**

#### **3.2.1. Vốn ngân sách địa phương: 29.464,036 tỷ đồng, trong đó:**

**3.2.1.1. Bố trí cho dự án, nhiệm vụ chuyển tiếp 17.366,392 tỷ đồng<sup>18</sup>, gồm:**

a) Bố trí cho các nhiệm vụ cấp bách: 5.280,612 tỷ đồng; gồm:

- Bố trí trả nợ gốc vốn vay cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài: 434,156 tỷ đồng (theo tiến độ thực hiện của các dự án sử dụng vốn nước ngoài);

- Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa, Quỹ phát triển đất tỉnh: 450 tỷ đồng (theo đề nghị của các Quỹ);

- Thực hiện đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính: 1.950 tỷ đồng (bố trí 10% nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh);

- Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài: 1.000 tỷ đồng (theo nhu cầu của các dự án sử dụng vốn nước ngoài);

- Bố trí cho các dự án thực hiện di dân tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ ống, lũ quét: 836,866 tỷ đồng (theo nhu cầu Đề án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 241/QĐ-UBND ngày 20/01/2026);

<sup>17</sup> Xác định theo dự kiến nhu cầu của các dự án trên địa bàn tỉnh.

<sup>18</sup> Năm 2026 dự kiến bố trí: **4.309,642** tỷ đồng; trong đó:

- Bố trí cho các nhiệm vụ cấp bách: **701,376** tỷ đồng; gồm: (1) Bố trí trả nợ gốc vốn vay cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài 84,113 tỷ đồng; (2) Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa, Quỹ phát triển đất tỉnh 75,275 tỷ đồng; (3) Thực hiện đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính 360 tỷ đồng; (4) Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài 162,528 tỷ đồng; (5) Bố trí cho các nhiệm vụ quy hoạch 9,59 tỷ đồng; (6) Bố trí cho các dự án thực hiện di dân tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ ống, lũ quét 9,86 tỷ đồng.

- Bố trí vốn đối ứng thực hiện các dự án thuộc hoạt động 1, tiểu dự án 1, dự án 1 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: **116,762** tỷ đồng.

- Bố trí vốn thực hiện các dự án do cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư bàn giao về cấp tỉnh quản lý: **807,246** tỷ đồng.

- Bố trí vốn cho các dự án do cấp tỉnh quản lý: **2.119,960** tỷ đồng.

- Bố trí cho các nhiệm vụ quy hoạch: 9,59 tỷ đồng (bố trí cho dự án Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt quyết toán);

- Bố trí vốn ủy thác thực hiện cơ chế chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội: 600 tỷ đồng (theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2024).

b) Bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030: 123,127 tỷ đồng.

c) Bố trí vốn đối ứng thực hiện các dự án thuộc dự án 1 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: 131,029 tỷ đồng;

d) Bố trí vốn thực hiện các dự án do cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư bàn giao về cấp tỉnh quản lý: 3.585,988 tỷ đồng;

e) Bố trí vốn cho các dự án do cấp tỉnh quản lý<sup>19</sup>: 8.245,636 tỷ đồng.

*(Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo)*

### **3.2.1.2. Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới từ vốn ngân sách địa phương: 12.097,644 tỷ đồng**

#### **a) Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới, chuẩn bị đầu tư theo ngành, lĩnh vực**

Căn cứ khả năng cân đối nguồn vốn, UBND tỉnh đề xuất phương án phân bổ vốn ngân sách địa phương 10.921,224 tỷ đồng<sup>20</sup> theo từng lĩnh vực như sau:

- **Lĩnh vực an ninh:** 2.193,968 tỷ đồng;
- **Lĩnh vực quốc phòng:** 900 tỷ đồng;
- **Lĩnh vực giao thông:** 2.982,087 tỷ đồng;
- **Lĩnh vực nông nghiệp và PTNT:** 870 tỷ đồng;
- **Lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển đổi số:** 500 tỷ đồng (Kết hợp với nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 để bố trí đảm bảo ít nhất 3% tổng chi ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị);
- **Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:** 875,169 tỷ đồng (Kết hợp với nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 để bố trí đảm bảo 5% tổng chi cho lĩnh vực giáo dục đào tạo theo quy định tại Nghị quyết số 71 -NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị);
- **Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước (các dự án trụ sở làm việc của cơ quan Đảng và Nhà nước):** 700 tỷ đồng;

<sup>19</sup> Gồm 126 dự án.

<sup>20</sup> Gồm 77 nhiệm vụ, dự án, khởi công mới, với tổng mức đầu tư: 27.102,732 tỷ đồng; 21 dự án chuẩn bị đầu tư với tổng mức đầu tư là 16.283,125 tỷ đồng.

- **Lĩnh vực y tế:** 900 tỷ đồng;
- **Lĩnh vực khu kinh tế và khu công nghiệp:** 500 tỷ đồng;
- **Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (bao gồm cả vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển văn hóa):** 500 tỷ đồng;

*(Chi tiết có Phụ lục 3 và Phụ biểu số 01, 02 kèm theo)*

**b) Bố trí vốn vay lại cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030:** 1.176,42 tỷ đồng *(Chi tiết có Phụ lục 5 kèm theo)*.

**3.2.2. Bố trí vốn ngân sách trung ương: 21.840,25 tỷ đồng<sup>21</sup>; trong đó:**

**3.2.2.1. Vốn ngân sách trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực (vốn trong nước): 20.197,427 tỷ đồng, gồm:**

- **Lĩnh vực giao thông:** 6.594,873 tỷ đồng, trong đó:

+ Bố trí vốn cho 05 dự án chuyển tiếp (dự án được đầu tư theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội): 894,873 tỷ đồng.

+ Bố trí vốn cho 01 dự án khởi công mới là dự án Đường giao thông nối từ đường vành đai phía Tây đến đường Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa: 5.700 tỷ đồng

- **Lĩnh vực văn hóa:** 256,086 tỷ đồng, trong đó:

Bố trí cho 02 dự án khởi công mới: 256,086 tỷ đồng.

- **Lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:** 4.243 tỷ đồng, trong đó:

+ Bố trí cho 03 dự án chuyển tiếp: 1.445 tỷ đồng;

+ Bố trí cho 05 dự án khởi công mới: 2.798 tỷ đồng;

- **Dự án trọng điểm, liên vùng, có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội:** 9.103,468 tỷ đồng, trong đó:

+ Bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp là dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoàng Thanh - Sầm Sơn và đoạn Tiên Trang - Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa: 1.103,468 tỷ đồng.

+ Bố trí cho 02 dự án khởi công mới: 8.000 tỷ đồng; gồm:

(1) Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 45 đoạn từ QL.12B, tỉnh Ninh Bình đến trung tâm tỉnh Thanh Hóa là 4.500 tỷ đồng;

(2) Dự án đường từ nút giao Hà Lĩnh/Cao tốc Bắc - Nam đến đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1) là 3.500 tỷ đồng.

*(Chi tiết có Phụ lục 4 kèm theo)*

**3.2.2.2. Vốn nước ngoài: 1.642,823 tỷ đồng, trong đó:**

- Bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp: 243,923 tỷ đồng.

<sup>21</sup> Gồm 23 nhiệm vụ, chương trình, dự án.

- Bố trí cho 03 dự án khởi công mới: 1.398,9 tỷ đồng.

*(Chi tiết có Phụ lục 5 kèm theo)*

## **VI. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

- Các sở, ngành cấp tỉnh, các chủ đầu tư đã có văn bản đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn giai đoạn 2026 - 2030; trên cơ sở đó, Sở Tài chính đã tham mưu xây dựng dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa.

- Sở Tài chính đã lấy ý kiến của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa; Sở Tư pháp có ý kiến việc Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định là phù hợp về thẩm quyền.

## **VII. HỒ SƠ, TÀI LIỆU KÈM THEO**

1. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa.

2. Báo cáo số 56/BCTĐ-STP ngày 09/4/2026 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết về dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa.

3. Công văn số 5744/STC-THQH ngày 22/5/2026 của Sở Tài chính về việc hoàn thiện hồ sơ trình HĐND tỉnh về dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa.

## **VIII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH**

UBND tỉnh kính trình HĐND xem xét, ban hành Nghị quyết về dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, THĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoài Anh**

**Phụ lục 1: DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA TỈNH THANH HÓA**

*(Đơn vị tính: Triệu đồng)*

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh, UBND tỉnh phân bổ, giao chi tiết	Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030					So sánh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 với giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:				Số vốn Thủ tướng Chính phủ giao	Số vốn HĐND tỉnh, UBND tỉnh phân bổ	
					Nguồn vốn do cấp tỉnh phân bổ	Trong đó:		Nguồn vốn do cấp xã phân bổ			
		Vốn bố trí cho dự án, nhiệm vụ chuyển tiếp	Vốn bố trí cho dự án khởi công mới								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	48.278.432	70.213.283	84.419.286	51.304.286	19.950.188	31.354.098	33.115.000	174,9	120,2	
I	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	31.795.100	46.437.530	62.579.036	29.464.036	17.366.392	12.097.644	33.115.000	196,8	134,8	
1	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	23.465.000	37.332.430	52.615.000	19.500.000	13.507.855	5.992.145	33.115.000	224,2	140,9	
1.1	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất tiêu tiết về ngân sách cấp xã		22.000.000	33.115.000				33.115.000		150,5	Bổ trí vốn để thanh toán cho các dự án hoàn thành; hoàn thành các dự án chuyển tiếp do cấp huyện quyết định bàn giao về cấp xã sau sắp xếp quản lý; các dự án do các xã, phường, thị trấn (trước sắp xếp) quyết định bàn giao về các xã, phường sau sắp xếp quản lý; các dự án của cấp xã dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030
1.2	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất tiêu tiết về ngân sách cấp tỉnh		15.332.430	19.500.000	19.500.000	13.507.855	5.992.145			127,2	
-	Bổ trí trả nợ gốc vốn vay cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài			434.156	434.156	434.156					Theo tiến độ thực hiện của các dự án sử dụng vốn nước ngoài
-	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa, Quỹ phát triển đất tỉnh			450.000	450.000	450.000					Theo đề nghị của Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa, Quỹ phát triển đất tỉnh
-	Thực hiện đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính			1.950.000	1.950.000	1.950.000					Bổ trí 10% nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh, UBND tỉnh phân bổ, giao chi tiết	Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030					So sánh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 với giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:				Số vốn Thủ tướng Chính phủ giao	Số vốn HĐND tỉnh, UBND tỉnh phân bổ	
					Nguồn vốn do cấp tỉnh phân bổ	Trong đó:		Nguồn vốn do cấp xã phân bổ			
						Vốn bố trí cho dự án, nhiệm vụ chuyển tiếp	Vốn bố trí cho dự án khởi công mới				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Bộ trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài			1.000.000	1.000.000	1.000.000					Dự kiến nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 1.000 tỷ đồng để bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA.
-	Bộ trí cho các dự án thực hiện di dân tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất tại các xã khu vực miền núi của tỉnh			836.866	836.866	836.866					Quyết định 241/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất tại các xã khu vực miền núi của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.
-	Bộ trí cho các nhiệm vụ quy hoạch			9.590	9.590	9.590					Bộ trí cho dự án Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt quyết toán.
-	Bộ trí vốn ủy thác thực hiện cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội			600.000	600.000	600.000					
-	Bộ trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030			123.127	123.127	123.127					
-	Bộ trí vốn đối ứng thực hiện các dự án thuộc hoạt động 1, tiểu dự án 1, dự án 1 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			131.029	131.029	131.029					
-	Bộ trí vốn thực hiện các dự án do cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư bàn giao về cấp tỉnh quản lý			3.585.988	3.585.988	3.585.988					

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh, UBND tỉnh phân bổ, giao chi tiết	Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030					So sánh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 với giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:				Số vốn Thủ tướng Chính phủ giao	Số vốn HĐND tỉnh, UBND tỉnh phân bổ	
					Nguồn vốn do cấp tỉnh phân bổ	Trong đó:		Nguồn vốn do cấp xã phân bổ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Bố trí vốn thực hiện các dự án do tỉnh quản lý			10.379.244	10.379.244	4.387.098	5.992.145				
2	Đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết	120.000	125.000	225.000	225.000	125.177	99.823		187,5	180,0	
-	Bố trí vốn thực hiện các dự án			225.000	225.000	125.177	99.823				
3	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	223.500	993.500	1.339.036	1.339.036	162.616	1.176.420		599,1	134,8	
4	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	7.986.600	7.986.600	8.400.000	8.400.000	3.570.744	4.829.256		105,2	105,2	
-	Bố trí vốn cho các dự án trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước			10.000	10.000	10.000					Bố trí cho các dự án chuyển tiếp
-	Bố trí vốn đối ứng GPMB và đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS tại 16 xã biên giới đất liền			90.000	90.000	90.000					
-	Bố trí vốn thực hiện các dự án khác			8.300.000	8.300.000	3.470.744	4.829.256				
II	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	13.984.435	13.984.435	20.197.427	20.197.427	2.339.873	17.857.554		144,4	144,4	
-	Vốn ngân sách trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực	8.017.066	8.017.066	20.197.427	20.197.427	2.339.873	17.857.554		251,9	251,9	
-	Vốn các chương trình MTQG	5.030.369	5.030.369								
-	Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội	937.000	937.000								
III	VỐN NƯỚC NGOÀI	2.498.897	2.498.897	1.642.823	1.642.823	243.923	1.398.900		65,7	65,7	
IV	VỐN TẶNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ (VỐN DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN)		7.292.421								

Phụ lục 2: DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ								30.900.282	29.464.036	4.065.719		
A	CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP								18.802.638	17.366.392	4.065.719		
I	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH TỈNH								14.140.185	13.507.855	2.518.431		
1	Bố trí trả nợ gốc vốn vay cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài								434.156	434.156	84.113		Theo tiến độ thực hiện của các dự án sử dụng vốn nước ngoài
2	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa, Quỹ phát triển đất tỉnh								450.000	450.000	75.275		
3	Thực hiện đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính								1.950.000	1.950.000	360.000		Bố trí 10% nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh
4	Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài								1.000.000	1.000.000	162.538		Dự kiến nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 1.000 tỷ đồng để bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA
5	Bố trí cho các nhiệm vụ quy hoạch								9.590	9.590	9.590		Dự kiến bố trí cho dự án Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt quyết toán (9,59 tỷ đồng)
6	Bố trí cho các dự án thực hiện di dân tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất tại các xã khu vực miền núi của tỉnh								1.025.619	836.866	9.860		Quyết định 241/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất tại các xã khu vực miền núi của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030



STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	Bố trí vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030								123.127	123.127			Nhu cầu đầu tư theo báo cáo của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Công văn số 1854/SDTTG-KHITH ngày 19/12/2025
8	Ủy thác thực hiện cơ chế chính tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội								600.000	600.000	172.500		
9	Bố trí vốn đối ứng thực hiện các dự án thuộc hoạt động 1, tiểu dự án 1, dự án 1 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		1.465.989	152.276	1.330.532	21.247	135.458	131.029	135.458	131.029	116.762		
a	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		848.365	84.278	780.905	21.247	67.460	63.031	67.460	63.031	55.812		
1	Đường giao thông từ xã Thọ Thanh đi xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân.	2059/QĐ-UBND ngày 05/6/2020; 3688/QĐ-UBND ngày 21/9/2021; 803/QĐ-UBND ngày 13/3/2023; 900/QĐ-UBND ngày 27/3/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	56.209	8.510	47.699		8.510	8.510	8.510	8.510	7.600	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
2	Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luân Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân.	1814/QĐ-UBND ngày 22/5/2020; 4042/QĐ-UBND ngày 09/10/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	54.007	17.648	49.967	13.608	4.040	4.040	4.040	4.040	2.200	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh đi xã Văn Nho, huyện Bá Thước.	3242/QĐ-UBND ngày 09/10/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	53.736	5.136	48.600		5.136	5.136	5.136	5.136	5.136	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thôn Phổng - Ảng đi thôn Chiếu xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh.	1716/QĐ-UBND ngày 18/5/2020; 303/QĐ-UBND ngày 18/01/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	29.999	3.000	26.999		3.000	3.000	3.000	3.000	2.700	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
5	Đập Tá Hường, xã Ban Công, huyện Bá Thước.	612/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	29.700	2.700	27.000		2.700	2.700	2.700	2.700	2.400	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
6	Nối tiếp đường giao thông Trung Thượng - Sơn Lư đến đường Tây Thanh Hóa, huyện Quan Sơn.	2563/QĐ-UBND ngày 14/7/2021; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	36.840	390	36.450		390	390	390	390	390	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
7	Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủ, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn.	1942/QĐ-UBND ngày 29/5/2020, 2110/QĐ-UBND ngày 08/6/2020; 4723/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	54.899	5.490	49.981	5.000	4.918	490	4.918	490		Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
8	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tam Lư - Tam Thanh, huyện Quan Sơn.	2288/QĐ-UBND ngày 28/6/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	53.697	4.769	48.928		4.769	4.769	4.769	4.769	4.769	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
9	Đường từ bản Sơn đi bản Ché Lâu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.	3618/QĐ-UBND ngày 09/9/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	45.672	1.545	44.127		1.545	1.545	1.545	1.545	1.545	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
10	Đường giao thông liên xã từ bản Ché Lâu xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân, Khả xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.	1315/QĐ-UBND ngày 30/8/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	43.874	3.989	39.885		3.989	3.989	3.989	3.989	3.600	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
11	Nâng cấp Đường giao thông liên xã Trung Hạ-Trung Xuân, huyện Quan Sơn.	1122/QĐ-UBND ngày 06/4/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	32.874	2.989	29.885		2.989	2.989	2.989	2.989	2.700	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Sơn Thủy - Na Mèo, huyện Quan Sơn.	4153/QĐ-UBND ngày 28/11/2020; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025; 3607/QĐ-UBND ngày 19/11/2025	21.134	1.263	19.871		1.263	1.263	1.263	1.263	1.263	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối QL.217 đi Đồn Biên phòng Mường Mìn, huyện Quan Sơn.	4684/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	21.740	1.976	19.764		1.976	1.976	1.976	1.976	1.700	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
14	Đập, mương Suối Hào, bản Púng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát.	1533/QĐ -UBND ngày 08/9/2023	4.288	388	3.900		388	388	388	388	350	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
15	Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu Mường Lát đi khu phố Đoàn Kết thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát.	1546/QĐ -UBND ngày 14/9/2023	32.998	2.998	30.000		2.998	2.998	2.998	2.998	2.700	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
16	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thị trấn đi bản Tân Hương, xã Tam Chung, huyện Mường Lát.	4743/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	17.160	1.560	15.600		1.560	1.560	1.560	1.560	1.400	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
17	Đường giao thông từ bản Tài Chánh, xã Mường Lý, huyện Mường Lát đi xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.	1556/QĐ-UBND ngày 15/9/2023; 1638/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	38.500	3.500	35.000		3.500	3.500	3.500	3.500	3.100	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
18	Đường giao thông từ trung tâm bản Suối Lóng xã Tam Chung đi bản Sài Khao xã Mường Lý (đoạn nối tiếp với đường bản Ứn đi bản Sài Khao, huyện Mường Lát)	2655/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	27.701	703	26.998		703	703	703	703		Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
19	Đường giao thông bản Tang đi bản Sậy xã Trung Thành, huyện Quan Hóa.	800/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	33.000	3.000	30.000		3.000	3.000	3.000	3.000	2.700	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
20	Đường giao thông từ bản Bàu, xã Nam Động đi bản Sùa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn.	817/QĐ-UBND ngày 31/5/2023; 1949/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	25.347	2.304	23.043		2.304	2.304	2.304	2.304	2.100	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
21	Nâng cấp đường giao thông từ cầu treo bản Bàu đi bản Nót xã Nam Động, huyện Quan Hóa.	2241/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	7.700	700	7.000		700	700	700	700	630	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
22	Nâng cấp đường giao thông bản Pượn, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa.	1916/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	25.532	2.553	22.979		2.553	2.553	2.553	2.553	2.300	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
23	Nâng cấp đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân (xã Phú Xuân mới), huyện Quan Hóa.	1887/QĐ-UBND ngày 26/5/2020; 3249/QĐ-UBND ngày 28/9/2022; 4973/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	24.169	1.669	22.500		1.669	1.669	1.669	1.669	1.669	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
24	Đường giao thông đi bản Cã đi bản Buốc Hiềng xã Trung Thành, huyện Quan Hóa.	897/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	8.200	200	8.000		200	200	200	200	200	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
25	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ QL15C đi Bản Bút, xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa.	874/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	10.322	322	10.000		322	322	322	322	322	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
26	Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa.	3032/QĐ-UBND ngày 11/9/2025	44.229	3.739	43.129	2.639	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
27	Nâng cấp phòng học và các công trình phụ trợ Trường Mầm non Khu Háng, Khu Dôi, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa.	977/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	14.838	1.238	13.600		1.238	1.238	1.238	1.238	1.238	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
<b>b</b>	<b>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030</b>		<b>617.624</b>	<b>67.998</b>	<b>549.627</b>		<b>67.998</b>	<b>67.998</b>	<b>67.998</b>	<b>67.998</b>	<b>60.950</b>		
1	Đường giao thông từ xã Vạn Xuân đi trung tâm xã Xuân Lẻ, huyện Thường Xuân.	2019/QĐ-UBND ngày 31/10/2022; 1253/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	54.450	4.950	49.500		4.950	4.950	4.950	4.950	4.450	UBND xã Vạn Xuân	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
2	Đường giao thông thôn Xuân Minh 1, xã Xuân Cao đi Bản Mạ, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân.	292/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	45.528	4.128	41.400		4.128	4.128	4.128	4.128	3.700	UBND xã Thường Xuân	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Đường giao thông từ trung tâm xã Xuân Lẻ đi thôn Liên Sơn và thôn Xuân Sơn, huyện Thường Xuân.	291/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	17.192	1.560	15.632		1.560	1.560	1.560	1.560	1.400	UBND xã Xuân Chinh	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
4	Đường giao thông từ bản Vắn đi bản Peo đi bản Vắn, xã Yên Thắng đi bản Chiềng Nưa, xã Yên Khương, huyện Lang Chánh.	572/QĐ-UBND ngày 10/5/2023; 973/QĐ-UBND ngày 19/6/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	64.750	17.750	47.000		17.750	17.750	17.750	17.750	16.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ bản En đi bản Năng Cát xã Trí Nang, huyện Lang Chánh.	1248/QĐ-UBND ngày 05/4/2023, 1574/QĐ-UBND ngày 14/11/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	48.950	4.450	44.500		4.450	4.450	4.450	4.450	4.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
6	Đường giao thông từ bản Ngâm Pộc đi bản Con, bản Vịn, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh.	2306/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	37.950	3.450	34.500		3.450	3.450	3.450	3.450	3.100	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
7	Nâng cấp đường giao thông từ thôn Pọng đi thôn Khụ xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh.	2338/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	24.725	2.248	22.477		2.248	2.248	2.248	2.248	2.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
8	Đường giao thông từ La Hán, xã Ban Công, huyện Bá Thước đi xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa.	614/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	39.600	3.600	36.000		3.600	3.600	3.600	3.600	3.200	UBND xã Bá Thước	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
9	Đường giao thông từ xã Ban Công đi điểm du lịch bản Đôn, xã Thành Lâm, huyện Bá Thước.	631/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	41.580	3.780	37.800		3.780	3.780	3.780	3.780	3.400	UBND xã Pù Luông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
10	Đường giao thông từ xã Kỳ Tân đi xã Văn Nho nối với Quốc lộ 217.	613/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	39.635	3.603	36.032		3.603	3.603	3.603	3.603	3.200	UBND xã Văn Nho	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
11	Đường giao thông nối xã Văn Nho huyện Bá Thước đi xã Tam Văn, huyện Lang Chánh.	632/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	44.550	4.050	40.500		4.050	4.050	4.050	4.050	3.600	UBND xã Văn Nho	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
12	Cầu và Đường từ bản Uôn đi bản Páng xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa.	1977/QĐ-UBND ngày 20/11/2023, 2434/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	44.000	4.000	40.000		4.000	4.000	4.000	4.000	3.600	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
13	Đường giao thông từ bản Pá Quăn đi bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	928/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	62.700	5.700	57.000		5.700	5.700	5.700	5.700	5.100	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
14	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đường Tây Thanh Hóa đi bản Ún-Sài Khao, huyện Mường Lát.	1554/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	33.314	3.029	30.286		3.029	3.029	3.029	3.029	2.700	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
15	Đường Xa Lao - Bản Tung, Xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	1555/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	18.700	1.700	17.000		1.700	1.700	1.700	1.700	1.500	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
10	Các dự án do cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư bàn giao về cấp tỉnh quản lý		7.618.265	5.050.348	3.830.748	1.340.671	3.663.829	3.585.988	3.663.829	3.585.988	807.246		
a	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		978.564	233.605	866.249	121.290	90.786	90.786	90.786	90.786	84.996		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu ở và thương mại phía Nam trường SOS, thuộc khu đô thị Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa (MBQH số 30/QĐ-UBND ngày 04/01/2023)	8322/QĐ-UBND ngày 13/9/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	253.025	64.010	202.015	13.000	30.000	30.000	30.000	30.000	44.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Yên Hoành đến đường tránh phía Nam thị trấn Quán Lào	153/QĐ-UBND ngày 14/01/2022; 2279/QĐ-UBND ngày 09/5/2025; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	250.000	123.860	201.140	75.000	48.860	48.860	48.860	48.860	27.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh-Đông, huyện Hoằng Hóa (Giai đoạn 1)	3259/QĐ-UBND ngày 23/6/2025; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	457.510	27.706	445.109	15.305	11.882	11.882	11.882	11.882	13.152	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Mở rộng và tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ tướng quân Cao Bá Diễn, xã Hoảng Giang	1797/QĐ-UBND ngày 06/5/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	18.029	18.029	17.985	17.985	44	44	44	44	44	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030</i>		<i>6.639.701</i>	<i>4.816.743</i>	<i>2.964.499</i>	<i>1.219.381</i>	<i>3.573.043</i>	<i>3.495.202</i>	<i>3.573.043</i>	<i>3.495.202</i>	<i>722.250</i>		
1	Hạ tầng kỹ thuật và GPMB khu dân cư, tái định cư xã Quảng Thảng (MBQH kèm theo QĐ số 4237/QĐ-UBND ngày 23/9/2021, MB 1858 ngày 23/4/2012 điều chỉnh MBQH số 1821/UBND-QLĐT ngày 20/10/2009)	1066/QĐ-UBND ngày 03/3/2010; 21885/QĐ-UBND ngày 20/12/2016; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	168.367	25.824	142.543		25.824	25.824	25.824	25.824	4.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
2	Cầu vượt đường sắt và đường hai đầu cầu thuộc tuyến Đại lộ Đông Tây, thành phố Thanh Hóa	11275/QĐ-UBND ngày 8/12/2023; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	647.120	412.160	454.961	220.000	90.000	90.000	90.000	90.000	150.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
3	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng Đường Bà Triệu (QL 1A cũ), đoạn từ Ngã năm Đinh Hương đến Quảng Trường Hàm Rồng	9593/QĐ-UBND ngày 18/11/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	29.125	12.433	19.992	3.300	9.133	9.133	9.133	9.133	7.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
4	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hoá (MBQH số 73/UB-CN).	2452/QĐ-UBND ngày 23/7/2009; 5951/QĐ-UBND ngày 09/7/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	268.268	97.930	175.338	5.000	92.930	92.930	92.930	92.930	24.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
5	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Phúc, phường Quảng Thảng, thành phố Thanh Hóa.	2196/QĐ-UBND ngày 19/3/2019; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	202.399	173.114	67.251	37.997	135.148	135.118	135.148	135.118	14.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	Mở rộng Đại lộ Đồng Tây, thành phố Thanh Hóa (đoạn từ cầu Cao đến thị trấn Rừng Thông)	168/QĐ-UBND ngày 03/01/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	269.000	264.238	10.623	10.000	258.377	254.238	258.377	254.238	69.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
7	Đại Lộ Nam Sông Mã giai đoạn 2, đoạn từ phường Quảng Hưng đến hết địa phận phường Quảng Tâm	8019/QĐ-UBND ngày 13/9/2024; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	1.442.527	1.273.351	640.144	470.968	802.383	802.383	802.383	802.383	111.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
8	Hệ thống giao thông kết nối và hạ tầng kỹ thuật tại mặt bằng Dự án Trung tâm Thương mại tại phường Quảng Thành	7529/QĐ-UBND ngày 23/8/2024; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	97.319	90.669	14.650	8.000	82.669	82.669	82.669	82.669	19.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
9	Tuyến đường số 8 Đô thị Lam Sơn-Sao Vàng	1117/QĐ-UBND ngày 10/3/2025; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	461.000	451.400	135.216	125.616	325.784	325.784	325.784	325.784	60.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
10	Tuyến đường số 7 Đô thị Lam Sơn - Sao Vàng	1116/QĐ-UBND ngày 10/03/2025	995.000	983.000	132.000	120.000	863.000	863.000	863.000	863.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
11	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Hoạt đoạn từ Yên Dương đến Hà Lai	4262/QĐ-UBND ngày 20/10/2023; 348/QĐ-UBND ngày 20/01/2025; 3667/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	14.000	8.100	5.900		8.100	8.100	8.100	8.100	6.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh



STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
12	Kè đê sông Hoạt đoạn qua các xã Hoạt Giang, Hà Vinh, huyện Hà Trung	1270/QĐ-UBND ngày 01/4/2025; 3667/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	7.372	7.372	3.500	3.500	3.872	3.872	3.872	3.872	3.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
13	Đường giao thông từ xã Hà Tân đi xã Yên Dương, huyện Hà Trung	12191/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; 363/QĐ-UBND ngày 20/01/2025; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	140.000	99.101	40.899		99.101	99.101	99.101	99.101	29.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
14	Xây dựng tuyến đường gom, hàng rào ngăn cách để từng bước xóa bỏ lối đi tự mở qua đường sắt trên địa bàn huyện Hà Trung; Hạng mục: Đoạn 1 từ Km146+425 đến Km146+890, chiều dài L=465m và Đoạn 2 từ Km149+205 đến Km149+400, chiều dài L=195m	3792/QĐ-UBND ngày 19/9/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	9.872	7.130	2.742		7.130	7.130	7.130	7.130	6.400	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
15	Đường giao thông từ trung tâm huyện Hà Trung đến trung tâm thị xã Bim Sơn	1241/QĐ-UBND ngày 13/4/2022; 2732/QĐ-UBND ngày 08/7/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	500.000	198.708	227.620		272.380	198.708	272.380	198.708	59.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
16	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Hoàng Kim - Hoàng Quỳ, huyện Hoằng Hóa	2757/QĐ-UBND ngày 18/7/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	245.000	23.475	221.525		23.475	23.475	23.475	23.475	21.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
17	Đầu tư xây dựng tuyến đường Quốc lộ 45 cải dịch, đoạn từ nút giao Đường huyện ĐH-TH.05 (kênh Nam) đi nút giao đường QL1-QL45 tại xã Thiệu Long.	10/QĐ-UBND ngày 04/01/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	220.685	123.723	116.962	20.000	103.723	103.723	103.723	103.723	17.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
18	Nâng cấp, cải tạo, khắc phục sạt lở tuyến đê Đồng sông Cung đoạn từ K5+950-K10+200, huyện Hoằng Hóa.	3011/QĐ-UBND ngày 29/7/2024; 3676/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	68.398	68.398	43.000	43.000	25.398	25.398	25.398	25.398	18.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
19	Đường từ Quốc lộ 10 đi Khu du lịch Hải Tiến huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 1)	689/QĐ-UBND ngày 05/05/2022; 5615/QĐ-UBND ngày 26/12/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	390.505	225.255	249.250	84.000	141.255	141.255	141.255	141.255	68.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
20	Đường nối QL 1A với QL 45 từ xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (đoạn từ nút giao với QL1A đến cầu vượt sông mã	3376/QĐ-UBND ngày 24/8/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	306.669	122.832	203.837	20.000	102.832	102.832	102.832	102.832	16.850	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
21	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đền thờ Lê Phụng Hiểu, xã Hoằng Sơn	790/QĐ-UBND ngày 12/3/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	28.315	19.770	16.545	8.000	11.770	11.770	11.770	11.770	5.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
22	Đường giao thông xã Thành Thọ, Thành An, Ngọc Trạo, Thành Tâm, huyện Thạch Thành (GD1).	1576/QĐ-UBND ngày 21/5/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	128.760	128.760	40.000	40.000	88.760	88.760	88.760	88.760	11.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Thạch Thành	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
11	Các dự án do tỉnh quản lý		18.706.113	15.776.048	13.645.760	11.077.003	4.748.407	4.387.098	4.748.407	4.387.098	720.547		
a	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		6.955.723	5.962.452	6.701.408	5.708.137	142.266	142.266	142.266	142.266	55.927		
1	Chi phí chuẩn bị đầu tư Dự án đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đoạn từ xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa.	1086/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	6.125	6.125	6.000	6.000	125	125	125	125	125	Sở Xây dựng	Bổ trí đủ vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt
2	Cơ sở hạ tầng giao thông thuộc dự án di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18.50) m đến cao trình (+20.36) m	5075/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	47.994	47.994	47.761	47.761	233	233	233	233		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bổ trí đủ vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Tuyến đường nối các huyện ở T ây Thanh Hóa.	765/QĐ-UBND ngày 22/02/2024	3.765.785	3.765.785	3.764.298	3.764.298	1.487	1.487	1.487	1.487	1.487	Sở Xây dựng	Bộ trí đủ vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt
4	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm văn hóa tỉnh.	2289/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	54.948	54.948	52.002	52.002	2.946	2.946	2.946	2.946	2.946	Sở Xây dựng	Bộ trí đủ vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt
5	Hệ thống an toàn giao thông trên các tuyến đường tại Khu kinh tế Nghi Sơn.	652/QĐ-UBND ngày 28/02/2023; 652/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	9.301	9.301	8.005	8.005	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Bộ trí đủ vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt
6	Tái định cư phục vụ di dân GP MB đường 513 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn.	28/QĐ-BQLKKTNS ngày 07/3/2012; 320/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 09/11/2022	38.597	38.597	36.424	36.424	2.173	2.173	2.173	2.173	2.173	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Bộ trí đủ vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt
7	Đường Bắc Nam 2 - KKT Nghi Sơn.	318/QĐ-BQLKTNS ngày 14/9/2009; 480/QĐ-BQLKTNS ngày 29/12/2010; 122/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 26/4/2022; 4785/QĐ-UBND ngày 31/12/2022; 2891/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	534.581	103.575	534.260	103.254	321	321	321	321	321	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Bộ trí đủ vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt
8	Đường Đông Tây, đoạn nối đường Bắc Nam 1B với đường Bắc Nam 3, KKT Nghi Sơn.	389/QĐ-BQLKTNS ngày 29/10/2014; 139/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 25/5/2021; 210/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 15/7/2021; 2876/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	281.382	9.312	281.270	9.200	112	112	112	112	112	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Bộ trí đủ vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
9	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa (giai đoạn 1967-1973) xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa.	1345/QĐ-UBND ngày 17/4/2020; 1242/QĐ-UBND ngày 04/5/2021; 3066/QĐ-UBND ngày 15/9/2025; 3448/QĐ-UBND ngày 03/11/2025	37.500	31.748	31.050	25.298	6.450	6.450	6.450	6.450	3.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
10	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 524, huyện Nga Sơn.	909/QĐ-UBND ngày 14/3/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	200.000	45.000	176.912	21.912	23.088	23.088	23.088	23.088	5.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
11	Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (Hạng mục: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình), huyện Nga Sơn.	2319/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	95.500	86.500	86.625	77.625	8.875	8.875	8.875	8.875	5.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
12	Kè chống sạt lở và nạo vét tiêu thoát lũ Khu kinh tế trọng điểm Nghi Sơn (giai đoạn 1)	311/QĐ-BQLKKT&KCN ngày 29/10/2018; 402/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 16/11/2021; 303/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 22/9/2023; 415/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 11/12/2023; 125/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 03/4/2025.	291.000	170.557	240.560	120.117	50.440	50.440	50.440	50.440	10.630	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Bỏ trí vốn theo đề xuất của Ban Quản lý KKTNS&KCN tại Văn bản số 3755/BNS-QHXD ngày 12/11/2025

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
13	Đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn, thuộc tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn.	352/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 29/9/2016; 172/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 28/8/2017; 288/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 15/10/2018; 22/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 15/01/2021; 161/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 08/6/2022; 405/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 05/12/2023; 161/QĐ-BQLKKNS&KCN ngày 16/4/2025	1.479.095	1.479.095	1.345.041	1.345.041	22.004	22.004	22.004	22.004	19.127	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Bố trí vốn theo đề xuất của Ban Quản lý KKTNS&KCN tại Văn bản số 3755/BNS-QHXD ngày 12/11/2025
14	Xây dựng kéo dài kênh thoát nước làm mát của Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn	4212/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	113.916	113.916	91.200	91.200	22.716	22.716	22.716	22.716	4.510	Ban QLDA đầu tư xây dựng Nghi Sơn	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
15	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030		11.750.390	9.813.596	6.944.353	5.368.867	4.606.141	4.244.833	4.606.141	4.244.833	664.620		
16	Đường giao thông Nam sông Chu, đoạn từ xã Thiệu Văn đi xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa (nay đổi tên dự án thành Đường giao thông Nam sông Chu, đoạn từ xã Thiệu Văn đi thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa).	1368/QĐ-UBND ngày 22/4/2022; Nghị quyết số 534/NQ-HĐND ngày 31/5/2024; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	187.168	151.937	159.986	124.755	27.182	27.182	27.182	27.182	12.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
17	Nâng cấp, cải tạo đê hữu sông Dừa, huyện Thiệu Hóa.	281/QĐ-UBND ngày 17/01/2023; 3546/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	130.000	130.000	72.000	72.000	58.000	58.000	58.000	58.000	45.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
18	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn.	865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018; 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019; 5441/QĐ-UBND ngày 23/12/2019; 2113/QĐ-UBND ngày 16/6/2022; 2443/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	1.484.970	1.484.970	1.282.834	1.282.834	2.240	2.240	2.240	2.240	2.240	Sở Xây dựng	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
19	Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47.	4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 494/QĐ-UBND ngày 29/01/2024; 2474/QĐ-UBND ngày 16/7/2025	921.000	921.000	570.013	570.013	350.987	350.987	350.987	350.987	107.000	Sở Xây dựng	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
20	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa.	4500/QĐ-UBND ngày 22/10/2020; 1178/QĐ-UBND ngày 21/4/2025; 313/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	1.919.340	819.340	1.628.762	528.762	290.578	290.578	290.578	290.578	185.130	Sở Xây dựng	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
21	Đường nội thị trấn Hôi Xuân từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa.	1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022; 3960/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	88.000	88.000	65.000	65.000	23.000	23.000	23.000	23.000		Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
22	Đường Bên En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.	1867/QĐ-UBND ngày 30/5/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025; 3598/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	348.155	341.486	126.669	120.000	221.486	221.486	221.486	221.486	46.510	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
23	Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam).	102/QĐ-UBND ngày 09/01/2023; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	604.984	596.052	33.892	24.960	571.092	571.092	571.092	571.092	30.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
24	Tuyến đường trục cảnh quan Thanh Hóa - Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường 4C).	103/QĐ-UBND ngày 09/01/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	631.862	613.862	165.634	147.634	466.228	466.228	466.228	466.228	30.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
25	Tôn tạo Khu di tích Phú Trịnh, xã Vinh Hùng, huyện Vinh Lộc ( nay là xã Biện Thượng)	4363/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 68/QĐ-UBND ngày 07/01/2021; 4490/QĐ UBND ngày 28/11/2023; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	550.730	294.115	243.585	158.066	307.145	136.049	307.145	136.049	10.000	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; UBND xã Biện Thượng	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
	Trong đó:												
	+ Phần xây lắp do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư		304.625	95.539	96.856	51.866	207.769	43.673	207.769	43.673	10.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
	+ Phần GPMB và TĐC do UBND xã Biện Thượng làm chủ đầu tư	68/QĐ-UBND ngày 07/01/2021; 4490/QĐ UBND ngày 28/11/2023; 4073/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	246.105	198.576	146.729	106.200	99.376	92.376	99.376	92.376		UBND xã Biện Thượng	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
26	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (giai đoạn 2) (nay là xã hà Long)	1578/QĐ UBND ngày 15/5/2021; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	453.207	254.196	183.790	174.992	269.417	79.204	269.417	79.204	20.000	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; UBND xã Hà Long	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
	Trong đó:												
	+ Phần xây lắp do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư		274.212	84.000	22.642	22.642	251.570	61.358	251.570	61.358	20.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
	+ Phần GPMB và TĐC do UBND xã Hà Long làm chủ đầu tư	3373/QĐ-UBND ngày 09/9/2019; 4073/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	178.995	170.196	161.149	152.350	17.846	17.846	17.846	17.846		UBND xã Hà Long	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
27	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nô Hên đến đường tỉnh 514.	4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2751/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	1.502.000	1.502.000	711.202	711.202	790.798	790.798	790.798	790.798	80.000	Sở Xây dựng	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
28	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân.	4492/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2750/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	1.837.000	1.837.000	907.751	907.751	929.249	929.249	929.249	929.249	77.216	Sở Xây dựng	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
29	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn.	3033/QĐ-UBND ngày 10/8/2021; 1721/QĐ-UBND ngày 22/5/2023; 4648/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	971.990	763.899	688.989	480.898	283.001	283.001	283.001	283.001	19.524	Ban QLDA đầu tư xây dựng Nghi Sơn	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
30	Đầu tư xây dựng các khu tái định cư ở các xã Hoằng Tiến, Hoằng Ngọc, Hoằng Đạo để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 1A đi Khu du lịch Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa	691/QĐ-UBND ngày 26/02/2018; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	119.984	15.739	104.245		15.739	15.739	15.739	15.739		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
II	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỞ KIẾN THIẾT		638.709	178.177	213.560	53.000	425.149	125.177	425.149	125.177	38.950		
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030		638.709	178.177	213.560	53.000	425.149	125.177	425.149	125.177	38.950		
1	Khu điều trị số 1, Bệnh viện Phụ sản	2451/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	279.872	18.000	51.800	16.400	228.072	1.600	228.072	1.600	1.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bỏ trí đảm bảo hết hạn mức ngân sách tỉnh
2	Xây dựng nhà khám chữa bệnh Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa.	877/QĐ-UBND ngày 04/3/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	200.837	98.177	120.960	18.300	79.877	79.877	79.877	79.877	21.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh



STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Xây dựng nhà khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc.	4456/QĐ-UBND ngày 08/11/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	158.000	62.000	40.800	18.300	117.200	43.700	117.200	43.700	16.350	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ phần ngân sách tỉnh hỗ trợ
III	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		2.314.277	753.842	1.824.739	475.018	489.538	162.616	489.538	162.616	108.925		
a	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2026		2.314.277	753.842	1.824.739	475.018	489.538	162.616	489.538	162.616	108.925		
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB.	1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018; 1052/QĐ-UBND ngày 25/3/2019; 2828/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 2345/QĐ-UBND ngày 01/7/2022; 3621/QĐ-UBND ngày 06/10/2023; 610/QĐ-UBND ngày 27/02/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	2.314.277	753.842	1.824.739	475.018	489.538	162.616	489.538	162.616	108.925	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi Sơn	
IV	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC								3.747.765	3.570.744	1.399.413		
1	Bố trí vốn cho các dự án trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước								10.000	10.000	4.961		Dự kiến bố trí cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp
2	Bố trí vốn đối ứng GPMB và đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS tại 16 xã biên giới đất liền								90.000	90.000			
3	Bố trí vốn thực hiện các dự án		17.526.481	10.855.094	13.583.338	7.099.077	3.734.542	3.557.521	3.647.765	3.470.744	1.394.452		
a	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025		8.451.973	4.266.666	7.670.820	3.514.781	635.743	616.581	635.743	616.581	227.402		

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Tuyên giao thông đoạn tránh Ngã Ba Chè, từ xã Thiệu Trung đến thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.	1166/QĐ-UBND ngày 05/4/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025; 3587/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	139.639	60.305	139.334	60.000	305	305	305	305	305	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí vốn ngân sách tỉnh còn thiếu theo quyết toán được duyệt
2	Nâng cấp tuyến đường thị trấn Mường Lát - Đồn biên phòng 483 - Mốc G3, huyện Mường Lát (giai đoạn 2).	2976/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	96.880	26.880	95.324	25.499	1.556	1.381	1.556	1.381	1.381	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	Bố trí đủ vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt
3	Cầu Tiên Long bắc qua sông Lý xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương.	698/QĐ-UBND ngày 06/3/2025	32.617	32.617	32.243	32.243	374	374	374	374	374	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt
4	Đầu tư xây dựng Trạm bơm tưới xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	3034/QĐ-UBND ngày 10/8/2018; 3781/QĐ-UBND ngày 03/11/2022; 4692/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; 1545/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	67.780	66.657	56.851	55.728	10.929	10.929	10.929	10.929	4.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
5	Đường giao thông khu du lịch suối cá thần, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy.	3714/QĐ-UBND ngày 28/11/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	49.384	46.029	48.326	44.971	1.058	1.058	1.058	1.058	3.200	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
6	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Thiệu Hóa.	2361/QĐ-UBND ngày 04/7/2023; 2361/QĐ-UBND ngày 03/7/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	175.000	139.000	127.000	106.000	48.000	33.000	48.000	33.000	25.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
7	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Lộc.	2665/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	110.000	50.000	100.000	40.000	10.000	10.000	10.000	10.000	15.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	Đầu tư nâng cấp, xây dựng đường gom cụm công nghiệp Hà Bình (Hà Bình - Hà Lai), huyện Hà Trung	2476/QĐ-UBND ngày 29/6/2018; 1568/QĐ-UBND ngày 14/5/2021; 1443/QĐ-UBND ngày 27/4/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	33.972	30.831	23.441	20.300	4.600	4.600	4.600	4.600	7.400	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
9	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa.	4122/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1402/QĐ-UBND ngày 29/4/2021; 3657/QĐ-UBND ngày 31/10/2022; 1807/QĐ-UBND ngày 09/6/2025	39.682	39.682	31.714	31.714	7.968	7.968	7.968	7.968	4.000	Sở Nội vụ	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
10	Rà phá bom, mìn, vật nổ khác phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh trên các địa bàn trọng điểm của tỉnh.	4036/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	36.319	36.319	28.800	28.800	7.519	7.519	7.519	7.519	3.800	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
11	Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14 tháng 6 năm 1972 tại Đê sông Mã, Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa.	4962/QĐ-UBND ngày 19/11/2020; 732/QĐ-UBND ngày 05/3/2021; 293/QĐ-UBND ngày 19/01/2023; 3356/QĐ-UBND ngày 23/10/2025	129.931	88.303	102.128	60.500	27.803	27.803	27.803	27.803	18.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
12	Đường từ trung tâm đô thị Bông, huyện Vinh Lộc nối đường tỉnh lộ 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung	1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022; 3530/QĐ-UBND ngày 26/8/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	177.000	54.086	149.806	29.400	27.194	24.686	27.194	24.686	19.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
13	Đường từ QL 47 đi cầu tô rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tiếp cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao.	1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022; 690/QĐ-UBND ngày 05/03/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	222.000	142.000	186.300	106.300	35.700	35.700	35.700	35.700	21.500	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
14	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thị trấn Yên Cát đi xã Tân Bình, huyện Như Xuân.	1362/QĐ-UBND ngày 21/4/2022; 690/QĐ-UBND ngày 02/3/2023; 704/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	81.936	81.936	80.446	80.446	1.490	1.490	1.490	1.490	2.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
15	Khu di tích lịch sử trận địa Đồng Ngàn và tượng đài Trung đội dân quân Gái xã Hoa Lộc	1458/QĐ-UBND ngày 28/4/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	74.968	70.468	41.500	37.000	33.468	33.468	33.468	33.468	1.250	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
16	Trung tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	2453/QĐ-UBND ngày 11/7/2017; 5360/QĐ-UBND ngày 17/12/2020; 491/QĐ-UBND ngày 05/02/2021; 4805/QĐ-UBND ngày 05/12/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	45.538	45.538	35.678	35.678	9.860	9.860	9.860	9.860	5.300	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
17	Đường nối Tỉnh lộ 515C và đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn từ xã Thọ Tân đi xã Hợp Lý - Xuân Thọ - Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn.	1863/QĐ-UBND ngày 30/5/2022; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	150.000	68.438	127.109	45.547	22.891	22.891	22.891	22.891	16.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
18	Đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đoạn từ xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (Km5+250-Km14+603) - Tiểu dự án 2: Đoạn từ đầu cầu vượt sông Mã đến nút giao với Quốc lộ 45 (Km 7+250-Km14+603).	2543/QĐ-UBND ngày 13/7/2021; 3627/QĐ-UBND ngày 16/9/2021; 650/QĐ-UBND ngày 28/02/2025; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	416.499	196.863	415.636	196.000	863	863	863	863	2.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
19	Cải dịch sông Tuấn Cung - KKT Nghi Sơn.	418/QĐ-BQLKKTNS ngày 31/12/2013; 417/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 22/11/2016; 284/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 29/10/2020	131.055	130.785	124.894	124.624	3.292	3.292	3.292	3.292	3.292	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
20	Dự án CH1-02.	1382/QĐ-UBND ngày 27/4/2021; 539/QĐ-UBND ngày 30/01/2022	46.523	46.523	35.500	35.500	11.023	11.023	11.023	11.023	6.300	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
21	Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân.	1015/QĐ-UBND ngày 22/3/2022; 2448/QĐ-UBND ngày 12/7/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	256.400	205.882	200.518	150.000	55.882	55.882	55.882	55.882	35.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
22	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn	4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 408/QĐ-UBND ngày 29/01/2018, 2737/QĐ-UBND ngày 13/7/2020; 1672/QĐ-UBND ngày 25/4/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	159.894	155.935	135.264	131.305	24.630	24.630	24.630	24.630	9.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
23	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định.	971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022; 1318/QĐ-UBND ngày 29/4/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	154.000	145.300	133.700	125.000	20.300	20.300	20.300	20.300	5.800	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
24	Đường giao thông từ xã Thành Sơn huyện Quan Hóa đi huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.	1184/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	59.898	59.898	48.000	48.000	11.898	11.898	11.898	11.898	5.900	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
25	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ bản Nà Ôn đi bản Cò Cài, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	1167/QĐ-UBND ngày 05/4/2022	110.000	110.000	88.000	88.000	22.000	22.000	22.000	22.000	11.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
26	Tuyến đường giao thông từ bản Giàng, xã Trí Nang đi thôn Bang, Giàng, Tiu, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh nối với Quốc lộ 15A.	3105/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	108.963	108.963	86.000	86.000	22.963	22.963	22.963	22.963		Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
27	Đường kết nối Quốc lộ 47C với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn, đoạn từ Quốc lộ 47 - Tỉnh lộ 514, huyện Triệu Sơn	3224/QĐ-UBND ngày 26/9/2022; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	186.978	166.978	170.000	150.000	16.978	16.978	16.978	16.978		Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
28	Đường tránh tỉnh lộ 512B đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước.	1140/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; 1288/QĐ-UBND ngày 15/4/2022; 1806/QĐ-UBND ngày 09/6/2025; 2974/QĐ-UBND ngày 04/9/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	75.745	75.745	69.755	69.755	5.990	5.990	5.990	5.990		Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
29	Đầu tư xây dựng nhà điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh.	3207/QĐ-UBND ngày 11/9/2023; 919/QĐ-UBND ngày 31/3/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	98.600	33.600	95.000	30.000	3.600	3.600	3.600	3.600		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
30	Kè chống sạt lở cục bộ kết hợp chỉnh trang phát triển đô thị, khai thác quỹ đất khu vực thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh.	2822/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	108.391	108.391	102.200	102.200	6.191	6.191	6.191	6.191		Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
31	Đường giao thông đến Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa.	3808/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; 4052/QĐ-UBND ngày 22/11/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	191.729	104.980	171.058	84.309	20.671	20.671	20.671	20.671		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
32	Tu bổ, nâng cấp tuyến đê sông Mã, đoạn K28+100 (xã Hoàng Khánh) - K44+350 (Chân cầu Hàm Rồng), Hoằng Hóa.	3396/QĐ-UBND ngày 17/10/2011; 869/QĐ- UBND ngày 28/3/2014; 2815/QĐ-UBND ngày 29/7/2016; 4140/QĐ-UBND ngày 23/10/2018; 1751/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; 2580/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	309.090	30.909	276.700		32.390	30.909	32.390	30.909		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
33	Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa.	490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021; 3060/QĐ-UBND ngày 12/8/2021; 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	1.089.338	214.171	1.077.167	202.000	12.171	12.171	12.171	12.171		Sở Xây dựng	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
34	Đường Đông Tây I kéo dài - KKT Nghi Sơn.	970/QĐ-UBND ngày 18/3/2016; 4763/QĐ- UBND ngày 13/11/2019; 148/QĐ-UBND ngày 12/01/2021; 1743/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; 2495/QĐ-UBND ngày 12/7/2021; 1743/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	398.439	14.439	384.000		2.357	2.357	2.357	2.357		Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Theo đề xuất của Ban Quản lý KKT NS&KCN tại Văn bản số 3755/BNS-QHXD ngày 12/11/2025
35	Hoàn thiện mặt đường tuyến đường vào Nhà máy xi măng Đại Dương.	4312/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	82.171	82.171	60.000	60.000	6.625	6.625	6.625	6.625		Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Theo đề xuất của Ban Quản lý KKT NS&KCN tại Văn bản số 3755/BNS-QHXD ngày 12/11/2025

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
36	Tu bổ, tô tạo di tích lịch sử đền thờ Hoàng quốc công Đào Duy Từ tại phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn.	4418/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 2619/QĐ-UBND ngày 26/5/2017; 1514/QĐ-UBND ngày 15/3/2018; 8179/QĐ-UBND ngày 13/9/2022; 3347/QĐ-UBND ngày 22/10/2025	43.597	31.094	30.225	14.000	5.000	5.000	5.000	5.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí vốn theo đề xuất của chủ đầu tư (Công văn số 4/BC-BQLDAKVNS-KHTH ngày 4/8/2025)
37	Khu neo đậu tàu thuyền phục vụ di dân, tái định cư xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	5500/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	64.964	64.964	60.064	60.064	4.900	4.900	4.900	4.900		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
38	Đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - KKT Nghi Sơn	1660/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 ; 4744/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	92.833	2.833	90.500	500	2.333	2.333	2.333	2.333		Ban QLDA đầu tư xây dựng Nghi Sơn	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
39	Đường giao thông Phương Nghi - Cánh Khê, huyện Như Thanh.	1206/QĐ-UBND ngày 08/4/2022; 2295/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	44.999	44.999	42.489	42.489	2.510	2.510	2.510	2.510		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
40	Nạo vét, thanh thải dải đá ngầm luồng tàu, khu vực cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền nghề cá Lạch Bang, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	3203/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	69.874	69.874	51.198	51.198	18.676	18.676	18.676	18.676		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
41	Xây dựng mới trạm bơm Yên Tôn, xã Vinh Quang, huyện Vinh Lộc (thay thế trạm bơm Yên Tôn, xã Vinh Yên, huyện Vinh Lộc).	510/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	109.950	109.950	104.000	104.000	1.825	1.825	1.825	1.825		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh



STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
42	Xây dựng tuyến đường Tiên Sơn - Hạc Oa (đoạn từ nút giao đường vào động Tiên Sơn đến đường Hạc Oa) Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa.	4432/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 238/QĐ-UBND ngày 21/01/2025	10.413	10.413	9.874	9.874	539	539	539	539		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
43	Đường nối Khu công nghiệp Tây Bắc Ga với đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa(Từ mốc A2 đến mốc A4).	2053/QĐ-UBND ngày 04/6/2018; 278/QĐ-UBND ngày 21/01/2021; 96/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; 387/QĐ-UBND ngày 31/01/2023; 1716/QĐ-UBND ngày 02/5/2024; 248/QĐ-UBND ngày 21/01/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	59.278	53.111	57.334	51.167	1.944	1.944	1.944	1.944		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
44	Cải tạo, nâng cấp hồ Bai Cái, xã Thành Vinh	2810/QĐ-UBND ngày 15/8/2017; 3667/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	80.027	77.069	70.726	67.768	9.301	9.301	9.301	9.301		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
45	Tuyến đường thị trấn Thọ Xuân đi đô thị Lam Sơn - Sao Vàng	4528/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2699/QĐ-UBND ngày 28/6/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	316.878	253.202	306.676	243.000	10.202	10.202	10.202	10.202		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
46	Đường Vạn Thiện đi Bến En.	4166/QĐ-UBND ngày 22/10/2021; 802/QĐ-UBND ngày 03/3/2022; 1224/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	1.181.000	261.000	1.108.738	188.738	5.373	5.373	5.373	5.373		Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
47	Xây dựng cầu Tô Rông, huyện Thường Xuân.	4029/QĐ-UBND ngày 23/9/2020; 1180/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	92.000	92.000	87.000	87.000	5.000	5.000	5.000	5.000		Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
48	Hệ thống cấp nước và xử lý nước sinh hoạt thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn.	4796/QĐ-UBND ngày 12/12/2017; 4343/QĐ-UBND ngày 03/11/2021; 4405/QĐ-UBND ngày 12/12/2022; 2048/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	45.957	45.957	26.000	26.000	19.957	19.957	19.957	19.957		Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
49	Trụ sở làm việc của Thành ủy, HĐND, UBND và các khối đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thành phố Sầm Sơn.	2607/QĐ-UBND ngày 16/07/2021; 534/QĐ-UBND ngày 24/02/2025; 4160/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	242.738	13.526	229.212		13.526	13.526	13.526	13.526		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
50	Đê, kè cửa sông Càn đoạn từ công Mộng Giường đi xã Nga Thái,	1663/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	161.019	35.590	160.769	35.340	250	250	250	250		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
51	Cấp nước sạch cho xã Cẩm Vân, xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy và xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	3650/QĐ-UBND ngày 30/10/2014; 394/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	70.092	10.467	69.625	10.000	467	467	467	467		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
52	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá sông Lý, huyện	974/QĐ-UBND ngày 18/3/2016	119.995	19.995	86.997	824	3.402	3.402	3.402	3.402		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
<b>b</b>	<b>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030</b>		<b>9.074.508</b>	<b>6.588.428</b>	<b>5.912.518</b>	<b>3.584.297</b>	<b>3.098.799</b>	<b>2.940.940</b>	<b>3.012.022</b>	<b>2.854.163</b>	<b>1.167.050</b>		
1	Đường tỉnh 502 đoạn từ nút giao với đường Đình Hương - Giàng, phường Thiệu Dương đến ngã ba đi cầu phao Vồm, phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa.	1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 2311/QĐ-UBND ngày 06/6/2024; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	117.061	100.181	87.060	70.180	30.001	30.001	30.001	30.001	20.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Đầu tư xây dựng và nâng cấp đê Tam Điệp và cầu Hà Lan, thị xã Bim Sơn.	2211/QĐ-UBND ngày 23/6/2022; 3145/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	268.630	256.330	172.350	160.050	96.280	96.280	96.280	96.280	70.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
3	Tuyến đường nối đường tỉnh 516C với xã Định Công đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa.	1031/QĐ-UBND ngày 24/3/2022; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	215.620	161.136	160.484	106.000	55.136	55.136	55.136	55.136	39.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
4	Nâng cấp, tu bổ các đoạn xung yếu tuyến đê sông Tiêu Thủy, huyện Thọ Xuân.	313/QĐ-UBND ngày 19/01/2023; 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2025; 3546/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	29.909	29.909	20.000	20.000	9.909	9.909	9.909	9.909	6.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
5	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt đoạn từ K27+700 đến K43+100, huyện Nga Sơn.	2389/QĐ-UBND ngày 06/7/2022; 3546/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	145.642	104.637	129.005	88.000	16.637	16.637	16.637	16.637	24.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
6	Tuyến đường giao thông nối Quốc lộ 10 (tại Km218+245) với đường Phạm Bành thị trấn Hậu Lộc (tại Km0+235), huyện Hậu Lộc.	2315/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	156.450	132.460	132.990	109.000	23.460	23.460	23.460	23.460	10.200	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
7	Đường Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh và đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217, huyện Cẩm Thủy.	3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	199.786	167.458	135.328	103.000	64.458	64.458	64.458	64.458	42.700	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
8	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung.	394/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	140.000	50.400	89.502	500	50.498	49.900	50.498	49.900	44.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
9	Đường giao thông nội Quốc lộ 45 xã Định Liên với Quốc Lộ 47B, xã Yên Trường, huyện Yên Định.	1138/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	227.394	91.979	182.890	47.475	44.504	44.504	44.504	44.504	35.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
10	Đường giao thông từ bản Thủy Thành đi bản Khả - bản Mùa Xuân xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.	4238/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	80.000	80.000	63.000	63.000	17.000	17.000	17.000	17.000	9.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
11	Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.	2711/QĐ-UBND ngày 31/7/2023; 2424/QĐ-UBND ngày 16/7/2025	46.780	46.780	22.000	22.000	24.780	24.780	24.780	24.780	20.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
12	Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vĩnh Lộc và các xã phụ cận, huyện Vĩnh Lộc	4897/QĐ-UBND ngày 21/12/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	42.992	40.992	28.946	26.946	14.046	14.046	14.046	14.046	9.900	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
13	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	167.000	166.819	85.181	85.000	81.819	81.819	81.819	81.819	65.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
14	Đường tránh QL45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Láo, huyện Yên Định	4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016; 651/QĐ-UBND ngày 28/02/2025; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	311.910	181.667	190.243	60.000	121.667	121.667	121.667	121.667	103.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
15	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với Quốc lộ 47C, huyện Thọ Xuân (Giai đoạn 1).	1503/QĐ-UBND ngày 04/5/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	175.972	155.717	106.225	86.000	69.747	69.717	69.747	69.717	54.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
16	Kiên cố hóa kênh 10 xã, huyện Hậu Lộc.	919/QĐ-UBND ngày 06/3/2024; 3546/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	76.500	76.500	29.900	29.900	46.600	46.600	46.600	46.600	38.900	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
17	Đường giao thông từ cầu Thăng Phú (xã Quảng Ngọc) đi Quốc lộ 1A (xã Quảng Bình), huyện Quảng Xương.	2182/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	220.000	175.468	152.732	108.200	67.268	67.268	67.268	67.268	49.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
18	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi đường ven biển từ xã Quảng Chính đi xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương.	2861/QĐ-UBND ngày 23/8/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	175.000	172.425	90.715	88.140	84.285	84.285	84.285	84.285	67.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
19	Xây dựng cầu Ngọc Lâm 2, xã Trường Giang, huyện Nông Cống	1357/QĐ-UBND ngày 21/4/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	110.000	105.608	79.992	75.600	30.008	30.008	30.008	30.008	19.400	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
20	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hóa.	1700/QĐ-UBND ngày 20/5/2010; 1702/QĐ-UBND ngày 06/6/2014; 4139/QĐ-UBND ngày 25/10/2016; 5029/QĐ-UBND ngày 19/12/2024; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	141.720	91.729	103.692	53.701	4.000	4.000	4.000	4.000	3.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí vốn theo nhu cầu đề xuất của chủ đầu tư

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
21	Tuyến đường Tây Sầm Sơn 5 (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến QL 47) và đường Hai Bà Trưng (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến đường Trần Hưng Đạo), thành phố Sầm Sơn.	4532/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 4070/QĐ-UBND ngày 25/9/2020; 1560/QĐ-UBND ngày 19/4/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	369.533	369.533	285.827	285.827	83.706	83.706	83.706	83.706	30.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
22	Đường giao thông nối Quốc lộ 47 xã Đông Anh, huyện Đông Sơn với Quốc lộ 45 xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương (đoạn từ tỉnh lộ 517 huyện Đông Sơn đi xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương).	4519/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 4552/QĐ-UBND ngày 01/11/2019; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	187.959	147.988	133.971	94.000	53.988	53.988	53.988	53.988	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
23	Đường giao thông từ xã Đông Nam đến đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa tại xã Đông Quang, huyện Đông Sơn.	2188/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	159.378	117.282	102.096	60.000	57.282	57.282	57.282	57.282	11.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
24	Trung tâm Truyền hình - Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh.	1195/QĐ-UBND ngày 18/4/2011; 1874/QĐ-UBND ngày 05/6/2013; 4140/QĐ-UBND ngày 25/10/2016; 1500/QĐ-UBND ngày 09/5/2017; 1062/QĐ-UBND ngày 03/4/2023; 523/QĐ-UBND ngày 30/01/2024; 2956/QĐ-UBND ngày 01/9/2025	462.276	462.276	418.113	418.113	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	Sở Xây dựng	Bỏ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
25	Đầu tư xây dựng mới một số hạng mục công trình để hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân	1028/QĐ-UBND ngày 18/03/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	98.200	6.000	2.200	2.000	96.000	4.000	96.000	4.000	4.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bỏ trí hết hạn mức hỗ trợ của ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
26	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Lát	4924/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	19.990	1.990	10.300		9.690	1.990	9.690	1.990	1.990	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bố trí hết hạn mức hỗ trợ của ngân sách tỉnh
27	Đường tuần tra từ Đồn Biên phòng Bát Mọt (505) đi bản Đục, bản Vịn xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân.	2672/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	120.000	120.000	36.000	36.000	84.000	84.000	84.000	84.000	12.000	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
28	Nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn Km28+760 đến Km33+500, huyện Nông Cống.	3666/QĐ-UBND ngày 10/10/2023; 3667/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	59.000	59.000	8.100	8.100	50.900	50.900	50.900	50.900	15.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
29	Nâng cấp, mở rộng đường từ xã Xuân Cao đi xã Luận Thành, huyện Thường Xuân	4979/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	80.000	80.000	24.000	24.000	56.000	56.000	56.000	56.000	8.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
30	Đường giao thông từ xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân đi xã Phụng Nghi, huyện Như Thanh.	3657/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	45.400	45.400	15.000	15.000	30.400	30.400	30.400	30.400	3.160	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
31	Đường nối tiếp cầu Tô Rông đi xã Ngọc Phụng giao với Quốc lộ 47, huyện Thường Xuân	181/QĐ-UBND ngày 16/01/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	199.100	116.500	65.500	23.500	133.600	93.000	133.600	93.000	23.100	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
32	Công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân.	937/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	68.428	68.428	15.500	15.500	52.928	52.928	52.928	52.928	11.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
33	Khu lưu niệm đồng bào, cán bộ, chiến sỹ và học sinh miền nam tập kết ra Bắc tại phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn.	5231/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; 2799/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	254.924	169.322	145.186	76.500	109.738	92.822	109.738	92.822	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
34	Mở rộng đại lộ Lê Lợi đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đồng, thành phố Thanh Hóa	1563/QĐ-UBND ngày 11/5/2023; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	1.008.416	977.710	600.706	570.000	407.710	407.710	407.710	407.710	60.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
35	Đường giao thông nối từ đường Trần Phú đến đường Nam Bim Sơn 6, thị xã Bim Sơn.	1109/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	335.998	188.551	147.947	500	188.051	188.051	188.051	188.051	50.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
36	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh- Đông, huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 2).	1258/QĐ-UBND ngày 13/4/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	200.000	174.063	103.437	77.500	96.563	96.563	96.563	96.563	30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
37	Đường nối khu công nghiệp Tượng Lĩnh đi tỉnh lộ 525, huyện Nông Cống.	496/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	89.000	89.000	45.000	45.000	44.000	44.000	44.000	44.000	17.300	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
38	Đường tránh thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành (GD 1).	912/QĐ-UBND ngày 14/3/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	247.949	207.091	142.443	101.600	105.506	105.491	105.506	105.491	40.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
39	Cầu trung tâm đô thị thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước.	2850/QĐ-UBND ngày 22/8/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	213.593	213.593	124.097	124.097	89.496	89.496	89.496	89.496	30.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh
40	Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại xã Hà Lĩnh) - Cụm di tích Đền Hàn, Cô Bơ xã Hà Sơn, huyện Hà Trung.	4544/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; 1828/QĐ-UBND ngày 27/5/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	150.000	114.508	97.360	61.868	52.640	52.640	52.640	52.640	20.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bổ trí đủ 100% ngân sách tỉnh



STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
41	Nâng cấp, cải tạo tuyến tỉnh lộ 505, huyện Nông Cống.	2637/QĐ-UBND ngày 03/8/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	282.000	210.000	186.000	114.000	96.000	96.000	96.000	96.000	30.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
42	Đường nối Khu di tích Lam Kinh với đường Hồ Chí Minh.	5047/QĐ-UBND ngày 27/12/2016; 1400/QĐUBND ngày 23/4/2020; 282/QĐUBND ngày 18/01/2023; 3953/QĐUBND ngày 26/10/2023; 2623/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	29.998	29.998	27.500	27.500	2.498	2.498	2.498	2.498		Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh
43	Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn	4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022; 1198/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	1.345.000	232.000	1.114.000	1.000	231.000	231.000	144.223	144.223		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi Sơn	Bố trí đủ 100% ngân sách tỉnh (kết hợp với nguồn tăng thu hằng năm)
B	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030								12.097.644	12.097.644			
1	Dự án khởi công mới, chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 theo ngành, lĩnh vực								10.921.224	10.921.224			Chi tiết danh mục có Phụ lục 3 kèm theo
2	Bố trí vốn vay lại cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030								1.176.420	1.176.420			Chi tiết danh mục có Phụ lục 5 kèm theo

**Phụ lục 3: DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG  
SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO TỈNH QUẢN LÝ KHỎI CÔNG MỚI, CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ				43.820.605	39.112.335	16.873.315	10.921.224	5.992.145	4.829.256	99.823		
I	Lĩnh vực an ninh				11.133.158	9.381.612	3.836.236	2.193.968	1.063.354	1.130.614			
*	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030				11.133.158	9.381.612	3.836.236	2.193.968	1.063.354	1.130.614			
1	Đầu tư xây dựng doanh trại Công an tỉnh	B	2026 - 2027	868/QĐ-BCA-H02 ngày 12/02/2026	3.530.927	2.471.649	2.471.649	1.421.649	963.354	458.295		Công an tỉnh	Kết hợp với nguồn tăng thu ngân sách tỉnh.
2	Xây dựng 05 trụ sở Công an xã biên giới thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa (Hiên Kiệt, Bát Mọt, Yên Khương, Mường Chanh, Quang Chiêu).	B	2026 - 2027	3457/QĐ-UBND ngày 15/11/2025	195.800	195.800	193.800	193.800		193.800		Công an tỉnh	
3	Đầu tư xây dựng, nâng cấp 84 Trụ sở công an xã, phường trên địa bàn tỉnh.	B	2026 - 2030		5.726.263	5.726.263	132.886	132.886		132.886		Công an tỉnh	Kết hợp với nguồn tăng thu ngân sách tỉnh.
4	Tích hợp camera và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để khai phá dữ liệu camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.	B	2026 - 2028	3808/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	170.000	120.000	170.000	120.000		120.000		Công an tỉnh	
5	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các phân trại tạm giam, kho vật chứng.	B	2026 - 2030		1.284.535	642.268	642.268	100.000	100.000			Công an tỉnh	Kết hợp với nguồn tăng thu ngân sách tỉnh.
6	Đường Bùi Khắc Nhất phía Nam doanh trại Công an tỉnh, phường Hạc Thành	B	2026 - 2029		225.633	225.633	225.633	225.633		225.633		UBND phường Hạc Thành	Kết luận số 324-KL/TU ngày 26/3/2026; Sở Tài chính đã báo cáo UBND tỉnh tại Văn bản số 4219/STC-KTN ngày 21/4/2026.
II	Lĩnh vực quốc phòng				3.010.000	2.990.000	1.845.000	900.000	550.222	349.778			
*	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030				2.960.000	2.940.000	1.839.000	899.000	550.222	348.778			
1	Doanh trại d40/e762	B	2028 - 2031		150.000	130.000	111.000	91.000	91.000			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Trong đó:				
									Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Cải tạo, nâng cấp doanh trại d40/e762 (cũ) làm Trung tâm bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng - an ninh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.	C	2026 - 2028		45.000	45.000	45.000	15.000		15.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
3	Nhà khách Sầm Sơn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	B	2026 - 2029		180.000	180.000	180.000	100.000		100.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Kết hợp với nguồn tăng thu ngân sách tỉnh.
4	Đường giao thông từ xã Thanh Quân đi xã Thanh Phong tỉnh Thanh Hóa (vùng CT229)	B	2026 - 2029		235.000	235.000	235.000	185.000	171.222	13.778		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
5	Sửa chữa, cải tạo doanh trại và mua sắm trang thiết bị doanh trại Tiểu đoàn huấn luyện - cơ động, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	C	2026 - 2028		35.000	35.000	35.000	35.000		35.000		Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	
6	Cải tạo, nâng cấp nhà khách đối ngoại Biên phòng và nhà Sờ chỉ huy Bộ đội Biên phòng	C	2026 - 2028		30.000	30.000	30.000	30.000		30.000		Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng	
7	Đầu tư xây dựng 64 doanh trại Ban CHQS cấp xã	B	2026 - 2031		1.920.000	1.920.000	938.000	263.000	263.000			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
8	Doanh trại Đội quy tập mộ liệt sỹ tại Lào	C	2026 - 2028		60.000	60.000	60.000	25.000	25.000			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
9	Đường tuần tra biên giới gắn với phát triển kinh tế - xã hội từ bản Púng đi Mốc 283, 284, 285 xã Quang Chiểu	C	2026 - 2028		70.000	70.000	70.000	70.000		70.000		Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	
10	Đường tuần tra biên giới gắn với phát triển kinh tế - xã hội từ bản Cơm đi bản Pù Ngùa, xã Pù Nhi	B	2028 - 2031		200.000	200.000	100.000	50.000		50.000		Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	
11	Chốt chiến đấu của DQTT xã Hiền Kiệt, tỉnh Thanh Hóa	C	2027 - 2029		11.000	11.000	11.000	11.000		11.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
12	Chốt chiến đấu của DQTT xã Mường Chanh, tỉnh Thanh Hóa	C	2028 - 2030		12.000	12.000	12.000	12.000		12.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
13	Chốt chiến đấu của DQTT xã Tam Thanh, tỉnh Thanh Hóa	C	2028 - 2030		12.000	12.000	12.000	12.000		12.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030				50.000	50.000	6.000	1.000		1.000			
1	Đường hầm sở chỉ huy thống nhất thời chiến của Bộ CHQS tỉnh trong căn cứ hậu phương (mật danh CH1 -03)	C	2031- 2033		50.000	50.000	6.000	1.000		1.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
III	Lĩnh vực giao thông				15.290.995	12.924.271	5.820.611	2.982.087	2.266.400	715.687			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Trong đó:				
									Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
*	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030				6.396.080	4.029.356	5.812.611	2.974.087	2.266.400	707.687			
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoảng Thanh - Sầm Sơn và đoạn Tiên Trang - Khu kinh tế Nghi Sơn	B	2026 - 2030	4050/QĐ-UBND ngày 24/12/2025	3.339.953	973.229	3.258.984	648.900	648.900			Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	Hoàn thành dự án trước năm 2030 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 131/CTĐ-TTg ngày 11/8/2025.
2	Đầu tư xây dựng cầu dân sinh để kết nối các khu vực dân cư thường xuyên bị chia cắt khi có thiên tai, mưa lũ trên địa bàn các xã khu vực miền núi (30 cầu)	C	2026 - 2027		793.440	793.440	793.440	615.000	615.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Kết hợp với nguồn tăng thu ngân sách tỉnh để hoàn thành các dự án trong năm 2026 - 2027. <b>Chi tiết danh mục 30 cầu có Phụ biểu 01 kèm theo.</b>
3	Đầu tư xây dựng một số cầu bê tông cốt thép thay thế cầu treo bị hư hỏng, nguy cơ mất ATGT trên địa bàn một số xã trên địa bàn tỉnh				125.000	125.000	125.000	125.000	125.000				
3.1	Đầu tư xây dựng cầu BTCT thay thế cầu treo Nam Xuân, xã Nam Xuân.	C	2027 - 2029		36.000	36.000	36.000	36.000	36.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	
3.2	Đầu tư xây dựng cầu BTCT thay thế cầu treo Chiềng, xã Phú Lệ.	C	2027 - 2029		89.000	89.000	89.000	89.000	89.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	
4	Các dự án xử lý ùn tắc giao thông một số phường trung tâm				950.000	950.000	665.000	665.000	175.000	490.000			
4.1	Đại lộ Đông Tây đoạn từ sông nhà Lê đến Quốc lộ 47	B	2028 - 2031		250.000	250.000	175.000	175.000	175.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	
4.2	Nâng cấp, mở rộng ĐT.501 (đường Trường Thi - Hàm Rồng)	B	2028 - 2031		700.000	700.000	490.000	490.000		490.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	
5	Các dự án cấp bách chống ngập cục bộ một số phường trung tâm				223.187	223.187	170.687	170.687		170.687			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Trong đó:				
									Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5.1	Xử lý các điểm ngập úng khu vực Trung tâm thành phố Thanh Hóa cũ (Ngã tư Bưu điện tỉnh, các đường: Hàn Thuyên, Lê Quý Đôn, Dương Đình Nghệ, Hải Thượng Lãn Ông và nạo vét kênh tiêu Mật Sơn)	C	2026 - 2027		14.905	14.905	14.905	14.905		14.905		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
5.2	Xử lý ngập úng khu dân cư hiện trạng các phường Đông Sơn, Quảng Thành, Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá (cũ)	C	2026 - 2027		19.870	19.870	19.870	19.870		19.870		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
5.3	Xử lý ngập lụt cục bộ và bảo vệ, chỉnh trang cây xanh đô thị trên địa bàn phường Hạc Thành	C	2026 - 2027		13.412	13.412	13.412	13.412		13.412		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
5.4	Xử lý ngập úng (Khu vực phường Tân Sơn và khu dân cư Phú Thọ 3, phường Phú Sơn)	B	2028 - 2031		175.000	175.000	122.500	122.500		122.500		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
6	Dự án thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội				964.500	964.500	799.500	749.500	702.500	47.000			
6.1	Đường nối từ Tuyến đường bộ ven biển đi cửa Lạch Ghép	B	2026 - 2029		160.000	160.000	160.000	160.000	160.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	
6.2	Đường nối QL217B với đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa	B	2028- 2031		550.000	550.000	385.000	385.000	385.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	
6.3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Yên Hoành đến đường tỉnh 516D, xã Định Tân	C	2026 - 2028		117.500	117.500	117.500	67.500	67.500			UBND xã Định Tân	Kết hợp với nguồn tăng thu ngân sách tỉnh đã được bố trí 50.000 triệu đồng.
6.4	Đường từ xã Phú Xuân đến xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa	C	2026 - 2028	613/QĐ-UBND ngày 27/02/2025	47.000	47.000	47.000	47.000		47.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Dự án đã được UBND tỉnh quyết định đầu tư.

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Trong đó:				
									Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6.5	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 45, CCN Vạn Thắng - Yên Thọ với đường Vạn Thiện - Bến En và đường xã Yên Thọ, xã Nông Cống	C	2026 - 2028	3855/QĐ-UBND ngày 09/12/2025	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.
*	Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030				8.894.915	8.894.915	8.000	8.000		8.000			
1	Đại lộ Nam Sông Mã giai đoạn 2, đoạn từ nút giao Đại Lộ Nguyễn Hoàng đến hết địa phận phường Hạc Thành	B	2026 - 2030		510.000	510.000	1.000	1.000		1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
2	Tuyến đường Đại lộ Nam Sông Mã (Đoạn từ đầu đường Trần Nhân Tông đến đườn g Nguyễn Du), phường Sầm Sơn	B	2026 - 2030		500.000	500.000	1.000	1.000		1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
3	Đường nối các phường trung tâm của tỉnh với nút giao đường bộ cao tốc Thiệu Giang	B	2031 - 2034		1.800.000	1.800.000	1.000	1.000		1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
4	Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 217B	B	2031 - 2034		2.500.000	2.500.000	1.000	1.000		1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
5	Đầu tư mở rộng đường vành đai phía Tây	B	2031 - 2034		3.000.000	3.000.000	1.000	1.000		1.000			Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
6	Đầu tư tuyến đường nối Quốc lộ 45 xã Yên Định đi tỉnh lộ 506C và 516B xã Yên Ninh.	B	2026 - 2029		199.915	199.915	1.000	1.000		1.000		UBND xã Yên Định	Dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2026 tại Nghị quyết 706/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh
7	Cải tạo, nâng cấp đường tránh phía Bắc	C	2026 - 2028		85.000	85.000	1.000	1.000		1.000		UBND xã Yên Định	Dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2026 tại Nghị quyết 706/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Trong đó:				
									Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	Đường giao thông từ QL.217 đi Danh lam thắng cảnh núi Kim Sơn, xã Biện Thượng) và kết nối với cầu qua sông Mã đi xã Định Hoà	B	2031 - 2034		300.000	300.000	1.000	1.000		1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
IV	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước				700.000	700.000	700.000	700.000	700.000				
*	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030				700.000	700.000	700.000	700.000	700.000				
1	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Văn phòng Tỉnh ủy		2026 - 2030		50.000	50.000	50.000	50.000	50.000			Văn phòng Tỉnh ủy	
2	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Văn phòng UBND tỉnh		2026 - 2030		50.000	50.000	50.000	50.000	50.000			Văn phòng UBND tỉnh	
3	Sửa chữa, cải tạo một số trụ sở cơ quan cấp tỉnh		2026 - 2030		100.000	100.000	100.000	100.000	100.000			Các cơ quan cấp tỉnh	
4	Đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo trụ sở các xã, phường		2026 - 2030		500.000	500.000	500.000	500.000	500.000			UBND các xã, phường	
V	Lĩnh vực nông nghiệp và PTNT				1.580.000	1.580.000	870.000	870.000	737.000	133.000			
*	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030				980.000	980.000	867.000	867.000	737.000	130.000			
1	Cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu chính Cầu Mư, xã Tây Đô	C	2026 - 2028		75.000	75.000	75.000	75.000	75.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
2	Xây dựng mới trạm bơm Hà Vinh 1	C	2027 - 2029		45.000	45.000	45.000	45.000	45.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
3	Xây dựng trạm bơm tiêu Quảng Châu và mở rộng cống Quảng Châu	B	2028 - 2031		200.000	200.000	165.000	165.000	165.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
4	Đầu tư xây dựng mới cống Ngọc Quang tại K16+300 đê tả sông Chu, xã Xuân Lập	B	2027 - 2029		130.000	130.000	130.000	130.000		130.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Trong đó:				
									Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	Kè xử lý sạt lở bờ biển khu vực Nam Sầm Sơn	C	2026 - 2028		50.000	50.000	50.000	50.000	50.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
6	Trạm bơm tiêu trên kênh An Thái, xã Tân Tiến	B	2028 - 2031		170.000	170.000	119.000	119.000	119.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
7	Đầu tư xây dựng mới công tiêu Nội Hà tại K32+739 đê tả Cầu Chày, xã Định Hoà	C	2027 - 2029		50.000	50.000	50.000	50.000	50.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
8	Kè chống sạt lở kênh tiêu T2, xã Tổng Sơn,	B	2028-2031		90.000	90.000	63.000	63.000	63.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
9	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Càn xã Nga An (trước đây là xã Nga Phú, huyện Nga Sơn)	B	2026 - 2029		170.000	170.000	170.000	170.000	170.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030				600.000	600.000	3.000	3.000		3.000			
1	Đầu tư xây dựng mới tuyến đê hữu sông Mã xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	B	2031-2034		300.000	300.000	1.000	1.000		1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
2	Đầu tư, nâng cấp tuyến đê hữu sông Cầu Chày trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	B	2031 - 2034		200.000	200.000	1.000	1.000		1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
3	Sửa chữa, nạo vét kênh tiêu thoát nước từ hồ Cầu Mùn đến cầu Đá Bàn, xã Văn Du.	B	2031-2034		100.000	100.000	1.000	1.000		1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
VI	Lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển đổi số				500.000	500.000	500.000	500.000		500.000			
*	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030				500.000	500.000	500.000	500.000		500.000			



STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Xây dựng và triển khai hệ thống đài truyền thanh thông minh trên địa bàn tỉnh	B	2027 - 2030		188.000	188.000	188.000	188.000		188.000		Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Đầu tư trang thiết bị bay không người lái phục vụ công tác đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội	B	2026 - 2028		135.000	135.000	135.000	135.000		135.000		Công an tỉnh	
3	Tăng cường hạ tầng công nghệ thông tin cho các sở, ban, ngành và UBND cấp xã giai đoạn 2026 - 2030	B	2027 - 2029		100.000	100.000	100.000	100.000		100.000		Sở Khoa học và Công nghệ	
4	Xây dựng Thư viện số tỉnh Thanh Hóa	C	2027 - 2029		47.000	47.000	47.000	47.000		47.000		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
5	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ kiểm tra, giám sát khu vực đường biên, cột mốc, kiểm soát hoạt động của người, phương tiện qua lại khu vực biên giới, vùng biên tỉnh Thanh Hoá	C	2027-2029		30.000	30.000	30.000	30.000		30.000		Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	
VII	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				1.519.192	1.519.192	1.155.308	875.169	675.169	200.000			
*	Dự án dự kiến khởi công mới giai đọan 2026 - 2030				1.199.982	1.199.982	1.153.308	873.169	673.169	200.000			
1	Sửa chữa, cải tạo trường THPT Lang Chánh	C	2026 - 2028	5213/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	14.840	14.840	14.840	14.840	14.840			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Trường THCS&THPT Bá Thước	C	2026 - 2028	11/QĐ-UBND ngày 02/01/2025	12.470	12.470	12.470	12.470	12.470			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
3	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Thường Xuân 2	C	2026 - 2028	5214/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	14.548	14.548	14.548	14.548	14.548			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
4	Trường THPT Như Xuân	C	2026 - 2028		23.149	23.149	23.149	23.149	23.149			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Trong đó:				
									Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	Trường THPT Vĩnh Lộc	C	2026 - 2028		17.362	17.362	17.362	17.362	17.362			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
6	Trường THPT Hà Văn Mao	C	2026 - 2028		22.322	22.322	22.322	22.322	22.322			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
7	Trường THPT Thạch Thành 1	C	2026 - 2028		19.842	19.842	19.842	19.842	19.842			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
8	Trường THPT Hậu Lộc 1	C	2026 - 2028		19.842	19.842	19.842	19.842	19.842			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
9	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Thạch Thành 2	C	2026 - 2028		31.500	31.500	31.500	31.500	31.500			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
10	Hoàn thiện cơ sở vật chất trường THPT chuyên Lam Sơn	B	2027 - 2030		466.739	466.739	420.065	247.294	247.294			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Kết hợp với nguồn tăng thu ngân sách tỉnh.
11	Đầu tư xây dựng mới các hạng mục nhà lớp học bộ môn, công trình phụ trợ Trường THPT Đào Duy Từ	B	2027 - 2030		100.000	100.000	100.000	100.000		100.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Trong đó:				
									Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
12	Đầu tư các trường học khu vực miền núi	C	2026 - 2028		357.368	357.368	357.368	250.000	250.000			UBND các xã	Kết hợp với nguồn tăng thu ngân sách tỉnh để hoàn thành các dự án. <b>Chi tiết danh mục có Phụ biểu 02 kèm theo.</b>
13	Xây dựng Phân hiệu Đại học Y Hà Nội	B	2027 - 2030		100.000	100.000	100.000	100.000		100.000		Trường Đại học Y Hà Nội	
*	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030</b>				<b>319.210</b>	<b>319.210</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>				
1	Sửa chữa các nhà ký túc xá sinh viên N1, N2, N3, N4; nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tường rào; cải tạo, sửa chữa toàn bộ hệ thống PCCC Trường Đại học Hồng Đức.	B	2030 - 2033		199.210	199.210	1.000	1.000	1.000			Trường Đại học Hồng Đức	
2	Đầu tư xây dựng Trường THPT Thọ Xuân 5	B	2026-2030		120.000	120.000	1.000	1.000	1.000			UBND xã Sao Vàng	
VIII	<b>Lĩnh vực y tế</b>				<b>1.927.000</b>	<b>1.817.000</b>	<b>1.073.900</b>	<b>900.000</b>		<b>800.177</b>	<b>99.823</b>		
*	<b>Dự án dự kiến khởi công mới giai đo an 2026 - 2030</b>				<b>1.407.000</b>	<b>1.307.000</b>	<b>1.070.900</b>	<b>897.000</b>		<b>797.177</b>	<b>99.823</b>		
1	Mở rộng, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.	B	2026 - 2030		500.000	400.000	400.000	340.000		290.000	50.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Xây dựng Bệnh viện Tâm Thần	B	2028 - 2031		667.000	667.000	466.900	353.000		303.177	49.823	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
3	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Quan Hoá	B	2026 - 2030		120.000	120.000	120.000	120.000		120.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
4	Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Bá Thước	B	2028 - 2031		120.000	120.000	84.000	84.000		84.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Trong đó:				
									Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
*	Các dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030				520.000	510.000	3.000	3.000		3.000			
1	Xây dựng Nhà khám chữa bệnh Bệnh viện Đa khoa Yên Định	B	2030 - 2033		200.000	190.000	1.000	1.000		1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
2	Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Lang Chánh	B	2030 - 2033		120.000	120.000	1.000	1.000		1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
3	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân	B	2030 - 2033		200.000	200.000	1.000	1.000		1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
IX	Lĩnh vực khu kinh tế và khu công nghiệp				4.769.000	4.769.000	500.000	500.000		500.000			
*	Các dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030				1.150.000	1.150.000	494.000	494.000		494.000			
1	Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong KCN Tây Bắc Ga (giai đoạn 1)	B	2027 - 2030		325.000	325.000	227.500	227.500		227.500		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi Sơn	
2	Đầu tư tuyến đường từ đường tỉnh 529 đi nút giao cao tốc Bắc Nam tại xã Trường Lâm	B	2029-2032		825.000	825.000	266.500	266.500		266.500		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi Sơn	
	Các dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030				3.619.000	3.619.000	6.000	6.000		6.000			
1	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A kết nối Khu công nghiệp số 20, 21, 22 với đường Nghi Sơn - Thọ Xuân	B	2030-2033		2.038.000	2.038.000	3.000	3.000		3.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi Sơn	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
2	Tuyến đường bộ ven biển đoạn tuyến từ điểm cuối tuyến đường Đô thị động lực đến đường Bắc Nam 1B	B	2030-2033		1.581.000	1.581.000	3.000	3.000		3.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi Sơn	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư
X	Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch				3.391.260	2.931.260	572.260	500.000		500.000			
*	Các dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030				591.260	411.260	564.260	387.260		387.260			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Dự kiến chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	Trong đó:				
									Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn xố số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực thành nội Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (giai đoạn 1, thuộc nhóm dự án số 3) - giai đoạn 1	B	2025 - 2028	2925/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	354.292	174.292	350.292	173.292		173.292		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
2	Khai quật khảo cổ học bộ sùng Nội thành Thành Nhà Hồ (bao gồm nền Đông, nền Tây Thái Miếu), khu vực Chính điện, Khu vực 2 góc Hào thành phía Đông Nam và Tây Nam di sản thế giới Thành Nhà Hồ	C	2026 - 2028		31.973	31.973	31.973	31.973		31.973		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3	Cải tạo nâng cấp toà nhà Thư viện tỉnh	C	2026 - 2028		34.000	34.000	34.000	34.000		34.000		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
4	Tu bổ, tôn tạo các hạng mục: Tả vu, Hữu vu, đường dạo 2 bên bờ Sông Ngọc, hạ tầng kỹ thuật thuộc Khu di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh, xã Lam Sơn	B	2028 - 2031		115.000	115.000	92.000	92.000		92.000		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
5	Sửa chữa, cải tạo nhà ở ký túc xá 5 tầng và mua sắm trang thiết bị phòng ở vận động viên tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Thanh Hoá	C	2026 - 2028		19.995	19.995	19.995	19.995		19.995		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà ông Lê Công Thanh, nhà ông Tô Đình Bảng thuộc di tích cách mạng Thiệu Toán, xã Thiệu Toán	C	2028 - 2030		36.000	36.000	36.000	36.000		36.000		UBND xã Thiệu Toán	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030				2.800.000	2.520.000	8.000	8.000		8.000			
1	Khu liên hợp TDTT tỉnh (bao gồm: sân vận động 30.000 chỗ ngồi; Khu thể thao dưới nước; Nhà thi đấu tỉnh; Trung tâm đào tạo vận động viên Bắc Miền Trung)	A	2031 - 2035		2.100.000	2.100.000	5.000	5.000		5.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Xây dựng Bảo tàng tỉnh	B	2031 - 2035		700.000	420.000	3.000	3.000		3.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
*	Dự kiến kinh phí đối ứng cho các dự án trong Chương trình MTQG phát triển văn hóa giai đoạn 2026 - 2030							104.740		104.740			

**Phụ lục 4: DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh)			Lũy kế vốn đã bố trí vốn từ khi khởi công đến năm 2025		Số vốn còn thiếu đến năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (1)		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ		23.740.582	22.201.253	1.887.444	1.874.926	21.853.138	20.326.327	20.197.427	20.197.427		
I	Lĩnh vực giao thông		7.180.443	7.180.443	456.670	456.670	6.723.773	6.723.773	6.594.873	6.594.873		
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030		1.480.443	1.480.443	456.670	456.670	1.023.773	1.023.773	894.873	894.873		Các dự án đầu tư từ nguồn tăng thu NSTW theo chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội; được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn tại Quyết định số 1491/QĐ-TTg ngày 29/11/2023. Do không đảm bảo điều kiện kéo dài thời gian giải ngân, tỉnh đã hoàn trả ngân sách trung ương số vốn 1.760,093 tỷ đồng. Để tháo gỡ khó khăn về nguồn vốn hoàn thành các dự án, đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ một phần vốn đã hoàn trả trong kế hoạch 2026 - 2030.
1	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đến Khu công nghiệp số 17.	9036/QĐ-UBND ngày 26/10/2024; 5075/QĐ-UBND ngày 11/06/2025	379.412	379.412	102.941	102.941	276.471	276.471	276.471	276.471	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Tuyến đường trực quan trọng từ Quốc lộ 1A đến Quốc lộ 47B và phân khu công nghiệp số 17, tạo điều kiện thuận lợi về kết nối giao thông khi khu công nghiệp đi vào hoạt động nhằm thu hút đầu tư; tạo quỹ đất 2 bên đường thuộc phân khu DT-05 phát triển các khu dân cư và tái định cư phục vụ giải phóng mặt các dự án trong Khu kinh tế Nghi Sơn.
2	Nâng cấp, mở rộng đường Bắc Nam 1B và đường Bắc Nam 2 (đoạn từ Quốc lộ 1A tại phường Xuân Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B) - Khu kinh tế Nghi Sơn.	3233/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	435.000	435.000	136.998	136.998	298.002	298.002	257.702	257.702	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi son	Tuyến đường là một phần của tuyến đường bộ ven biển, có tính chất kết nối liên tỉnh, liên vùng; tuyến đường trực chính có vai trò quan trọng trong việc kết nối giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân, Quốc lộ 1A với cảng biển Nghi Sơn và hệ thống giao thông khu vực, phục vụ trực tiếp cho vận chuyển hàng hóa ra vào cảng và các dự án lớn như: Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Nghi Sơn, Liên hợp gang thép Nghi Sơn.
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ Quốc lộ 1A vào các khu công nghiệp phía Tây Nam đi mở sết - Khu kinh tế Nghi Sơn	3560/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	272.000	272.000	84.025	84.025	187.975	187.975	150.975	150.975	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi son	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1A vào các Khu công nghiệp phía Tây Nam của KKT Nghi Sơn (khu công nghiệp số 4, số 5); phục vụ vận chuyển hàng hóa từ các nhà máy, doanh nghiệp trong khu công nghiệp kết nối với Quốc lộ 1A, cảng Nghi Sơn; tạo động lực thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào các Khu công nghiệp trong phạm vi phía Tây Nam, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội KKT Nghi Sơn và khu vực lân cận.

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh)			Lũy kế vốn đã bố trí vốn từ khi khởi công đến năm 2025		Số vốn còn thiếu đến năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (1)		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Xây dựng hoàn thiện tuyến đường bộ ven biển (đoạn kết nối đường 513 với các Khu bến cảng phía Nam Khu kinh tế Nghi Sơn)	511/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 24/10/2024	259.031	259.031	98.410	98.410	160.621	160.621	125.221	125.221	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi sơn	Dự án là một phần của tuyến đường bộ ven biển, có tính kết nối liên tỉnh, liên vùng. Tuyến đường xây dựng có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng và phát triển kinh tế xã hội, giúp giảm tải áp lực giao thông cho tuyến Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10 và các tuyến đường lân cận; kết nối với các tuyến đường quan trọng trong KKT Nghi Sơn (đường tỉnh 513, Bắc Nam 3, Bắc Nam 1B, Đông Tây 2, Đông Tây 4...) tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá, sản phẩm từ các nhà máy trong khu công nghiệp như: Lọc hoá dầu, luyện kim, xi măng .... sang các tỉnh lân cận.
5	Đầu tư xây dựng hoàn thiện tuyến đường Đông Tây 2	484/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 14/10/2024	135.000	135.000	34.296	34.296	100.704	100.704	84.504	84.504	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Đảm bảo kết nối các tuyến đường giao thông phục vụ phát triển, khai thác khu vực cảng biển phía Bắc; có tính kết nối, vận chuyển hàng hóa từ KKT Nghi Sơn và các tỉnh lân cận với các cảng biển trong nước và quốc tế thông qua cảng biển phía Bắc KKT Nghi Sơn. Đồng thời, dự án có vai trò kết nối các tuyến đường giao thông trục chính của KKT Nghi Sơn với Khu công nghiệp an ninh gắn liền với cảng biển đã được Cục Công nghiệp an ninh, Bộ Công an đề xuất tại Công văn số 2494/H08-P7 ngày 17/10/2025.
b	Dự án khởi công mới 2026 - 2030		5.700.000	5.700.000			5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000		
1	Đường giao thông nối từ đường vành đai phía Tây đến đường Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa		5.700.000	5.700.000			5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa	Từng bước hoàn thiện mạng lưới hạ tầng giao thông theo quy hoạch, tăng cường kết nối giao thông khu vực trung tâm của tỉnh với các xã phía Tây; hình thành trục giao thông liên vùng mới theo hướng Đông Tây, kết nối các trục giao thông quan trọng quốc gia như QL.1 , đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường Hồ Chí Minh; rút ngắn thời gian lưu thông, chia sẻ lưu lượng với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47. Mở rộng không gian phát triển; tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo QPAN.
II	Lĩnh vực văn hóa		827.186	261.086	5.000	5.000	822.186	256.086	256.086	256.086		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030		827.186	261.086	5.000	5.000	822.186	256.086	256.086	256.086		
1	Tu bổ, phục hồi, tôn tạo các hạng mục công trình Khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh.	2541/QĐ-UBND ngày 22/7/2025	81.586	81.086	2.000	2.000	79.586	79.086	79.086	79.086	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đã bố trí 2.000 triệu đồng để chuẩn bị đầu tư
2	Bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (giai đoạn 1 thuộc Nhóm dự án số 3)	158/NQ-HĐND ngày 11/10/2021; 325/NQ-HĐND ngày 19/11/2022	745.600	180.000	3.000	3.000	742.600	177.000	177.000	177.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đã bố trí 3.000 triệu đồng để chuẩn bị đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh)			Lũy kế vốn đã bố trí vốn từ khi khởi công đến năm 2025		Số vốn còn thiếu đến năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (1)		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
III	Lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		4.393.000	4.393.000	150.000	150.000	4.243.000	4.243.000	4.243.000	4.243.000		UBND tỉnh Thanh Hóa đã báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 5897/UBND-THĐT ngày 06/4/2026
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030		1.595.000	1.595.000	150.000	150.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000		
1	Dự án Xây dựng trung tâm chỉ huy giám sát, điều hành giao thông; hệ thống camera giám sát an ninh và xử lý vi phạm về TTATGT trên tuyến QL1, đường Hồ Chí Minh, QL45, QL47, QL217, QL10, QL15 và một số tuyến đường trọng điểm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.		1.200.000	1.200.000	50.000	50.000	1.150.000	1.150.000	1.150.000	1.150.000	Công an tỉnh	Năm 2025 dự án đã được ngân sách Trung ương bố trí 50.000 triệu đồng tại Quyết định số 2137/QĐ-TTg ngày 26/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.
2	Đầu tư, nâng cấp tổng thể Trung tâm dữ liệu và triển khai các phần mềm dùng chung tại Sở Khoa học và Công nghệ để đảm bảo hoạt động của chính quyền 2 cấp (giai đoạn 2).	4029/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	225.000	225.000	50.000	50.000	175.000	175.000	175.000	175.000	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025 dự án đã được ngân sách Trung ương bố trí 50.000 triệu đồng tại Quyết định số 2137/QĐ-TTg ngày 26/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.
3	Tích hợp camera và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để khai phá dữ liệu camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.	3808/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	170.000	170.000	50.000	50.000	120.000	120.000	120.000	120.000	Công an tỉnh	Năm 2025 dự án đã được ngân sách Trung ương bố trí 50.000 triệu đồng tại Quyết định số 2137/QĐ-TTg ngày 26/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030		2.798.000	2.798.000			2.798.000	2.798.000	2.798.000	2.798.000		
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hoá.		2.000.000	2.000.000			2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
2	Trung tâm an ninh mạng của tỉnh thực hiện giám sát, ứng cứu sự cố, đảm bảo an toàn thông tin cho các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị.		400.000	400.000			400.000	400.000	400.000	400.000	Công an tỉnh	
3	Đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hệ thống phòng kiểm định kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, an toàn bức xạ hạt nhân.		118.000	118.000			118.000	118.000	118.000	118.000	Sở Khoa học và Công nghệ	
4	Xây dựng/thuê hạ tầng điện toán đám mây cho cài đặt và lưu trữ dữ liệu của Kho CSDL dùng chung (Big Data, AI).		150.000	150.000			150.000	150.000	150.000	150.000	Sở Khoa học và Công nghệ	



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh)			Lũy kế vốn đã bố trí vốn từ khi khởi công đến năm 2025		Số vốn còn thiếu đến năm 2025		Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (1)		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Xây dựng không gian đổi mới sáng tạo Trường Đại học Hồng Đức.		130.000	130.000			130.000	130.000	130.000	130.000	Trường Đại học Hồng Đức	
IV	Dự án trọng điểm, liên vùng, có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội		11.339.953	10.366.724	1.275.774	1.263.256	10.064.179	9.103.468	9.103.468	9.103.468		
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030		3.339.953	2.366.724	1.275.774	1.263.256	2.064.179	1.103.468	1.103.468	1.103.468		
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoằng Thanh - Sầm Sơn và đoạn Tiên Trang - Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là dự án Đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoằng Hóa - Sầm Sơn và đoạn Quảng Xương - Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa).	4050/QĐ-UBND ngày 24/12/2025	3.339.953	2.366.724	1.275.774	1.263.256	2.064.179	1.103.468	1.103.468	1.103.468	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa	Số vốn NSTW đã bố trí cho dự án để thực hiện theo hình thức BOT như sau: - Năm 2020 giao 343 tỷ đồng, giải ngân được 252,257 tỷ đồng; số vốn không giải ngân bị hủy dự toán là 90,743 tỷ đồng. - Năm 2021 giao 47 tỷ đồng, giải ngân được 19,482 tỷ đồng; số vốn không giải ngân bị hủy dự toán là 27,518 tỷ đồng. - Năm 2022 giao là 1.010 tỷ đồng; giải ngân được 24,793 tỷ đồng; số vốn không giải ngân bị hủy dự toán là 985,207 tỷ đồng. Tổng số vốn bị hủy dự toán năm 2020, năm 2021, 2022 dự kiến đề xuất bố trí lại trong giai đoạn 2026 - 2030 cho dự án theo hình thức đầu tư công.
b	Dự án khởi công mới 2026 - 2030		8.000.000	8.000.000			8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000		
1	Đầu tư xây dựng Quốc lộ 45 đoạn từ QL.12B, tỉnh Ninh Bình đến trung tâm tỉnh Thanh Hóa.		4.500.000	4.500.000			4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 45 nhằm nâng cao năng lực khai thác, khắc phục tình trạng mặt đường nhỏ hẹp, xuống cấp và ùn tắc giao thông; bảo đảm an toàn giao thông, đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng. Đồng thời, hoàn thiện kết nối liên vùng giữa tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình, tăng cường liên thông với các trục giao thông huyết mạch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, du lịch và bảo đảm quốc phòng - an ninh.
2	Đường từ nút giao Hà Lĩnh/Cao tốc Bắc - Nam đến đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1).		3.500.000	3.500.000			3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa	Hoàn thiện trục kết nối gần và thuận lợi nhất từ khu vực Đông Bắc Lào với hệ thống giao thông trục Bắc - Nam của Việt Nam (gồm đường sắt Bắc - Nam, Quốc lộ 1 và đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông) qua Cửa khẩu quốc tế Na Mèo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống nhân dân và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Ghi chú: (1) Nhu cầu vốn hoàn thành dự án xác định theo đề xuất của chủ đầu tư.

Phụ lục 5: DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; phê duyệt đề xuất										Số vốn còn thiếu đến hết năm 2025					Dự kiến nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030					Ghi chú		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Đưa vào cân đối NSTW	Viện trợ không hoàn lại	Vay lại		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Đưa vào cân đối NSTW	Viện trợ không hoàn lại	Vay lại (đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương)			
				Tổng số	Trong đó:			Quy đổi ra tiền Việt																
					Vốn NST	Vốn NSTW	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Trong đó:															
									Đưa vào cân đối NSTW	Viện trợ không hoàn lại	Vay lại (1)													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
	TỔNG SỐ		5.614837	1.840555	1.840555			3.774282	1.961707	156.570	1.656005	3.985923	1.004064	1.486253	156.570	1.339036	3.985923	1.004064	1.486253	156.570	1.339036			
A	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 SANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030		2.314277	1.115315	1.115315			1.198962	719.377		479.585	685.363	278.824	243.923		162.616	685.363	278.824	243.923		162.616			
1	Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị		2.314277	1.115315	1.115315			1.198962	719.377		479.585	685.363	278.824	243.923		162.616	685.363	278.824	243.923		162.616			
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030		2.314277	1.115315	1.115315			1.198962	719.377		479.585	685.363	278.824	243.923		162.616	685.363	278.824	243.923		162.616			
1	Phát triển tổng hợp các đô thị đồng lục - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB.	1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018; 1052/QĐ- UBND ngày 25/3/2019; 2828/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 2345/QĐ- UBND ngày 01/7/2022; 3621/QĐ-UBND ngày 06/10/2023; 610/QĐ- UBND ngày 27/02/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	2.314277	1.115315	1.115315			1.198962	719.377		479.585	685.363	278.824	243.923		162.616	685.363	278.824	243.923		162.616	Dự án được gán hạn thời gian thực hiện đến 30/12/2026 tại Quyết định 1243/QĐ-CTN ngày 30/6/2025 của Chủ tịch nước; Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh		
B	DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030		3.300560	725.240	725.240			2.575320	1.242330	156.570	1.176420	3.300560	725.240	1.242330	156.570	1.176420	3.300560	725.240	1.242330	156.570	1.176420			
1	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		3.300560	725.240	725.240			2.575320	1.242330	156.570	1.176420	3.300560	725.240	1.242330	156.570	1.176420	3.300560	725.240	1.242330	156.570	1.176420			
a	Dự án khôi công mới giai đoạn 2026 - 2030		3.300560	725.240	725.240			2.575320	1.242330	156.570	1.176420	3.300560	725.240	1.242330	156.570	1.176420	3.300560	725.240	1.242330	156.570	1.176420			
1	Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB.	2659/QĐ-UBND ngày 04/8/2025	400.000	70.450	70.450			329.550	197.730		131.820	400.000	70.450	197.730		131.820	400.000	70.450	197.730		131.820	Theo báo cáo của chủ đầu tư tại Văn bản số 729/BQLDANN- KHTH ngày 10/7/2025, cơ chế tài chính của dự án là: 60% cấp phát và 40% vay lại		
2	Hiện đại hóa hệ thống cấp nước Bãi Thượng thích ứng với biến đổi khí hậu (ADB)	1297/QĐ-TTg ngày 24/6/2025	2.106000	421.200	421.200			1.684800	819.000	46.800	819.000	2.106000	421.200	819.000	46.800	819.000	2.106000	421.200	819.000	46.800	819.000	Thủ tướng Chính phủ đã phê duyet Đề xuất dự án tại Quyết định số 1297/QĐ-TTg ngày 24/6/2025; cơ chế tài chính là cấp phát 50%, vay lại là 50%.		
3	Cơ sở hạ tầng nước ô nhiễm chống chịu khí hậu và toàn diện cho các hộ sản xuất nhỏ ở nông thôn tỉnh Thanh Hóa (Quỹ Phát Triển Nông Nghiệp Quốc Tế của Liên Hợp Quốc (IFAD) và Quỹ Thích ứng (AF)).	1275/QĐ-TTg ngày 26/10/2024	794.560	233.590	233.590			560.970	225.600	109.770	225.600	794.560	233.590	225.600	109.770	225.600	794.560	233.590	225.600	109.770	225.600	Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án tại Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 26/10/2024; cơ chế tài chính là cấp phát 50%, vay lại là 50%.		

\* Ghi chú: Số vốn vay lại được xác định trên cơ sở hồ sơ dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong quá trình thực hiện dự án sẽ được rà soát, cập nhật đảm bảo theo quy định của pháp luật.

**Phụ biểu 1: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦU DÂN SINH KẾT NỐI CÁC KHU VỰC DÂN CƯ THƯỜNG XUYÊN BỊ CHIA CẮT  
KHI CÓ THIÊN TAI, MƯA LŨ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ MIỀN NÚI KHỎI CÔNG MỞI GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030		Chủ đầu tư
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>Tổng cộng</b>				<b>793.440</b>	<b>793.440</b>	<b>793.440</b>	<b>615.000</b>	
1	Cầu Bản Vui	Xã Phú Xuân	2026 - 2028		122.300	122.300	122.300	98.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
2	Cầu Thiết Giang	Xã Thiết Ống	2026 - 2028		134.900	134.900	134.900	107.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
3	Cầu Chòm Mốt	Thôn Chòm Mốt và thôn Trung Thủy, xã Quý Lương	2026 - 2028		91.400	91.400	91.400	73.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
4	Cầu suối Chiềng, bản Bôn	Bản Bôn + bản Chiềng Nưa, xã Yên Khương	2026 - 2028		56.300	56.300	56.300	45.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
5	Cầu thôn Thông	Thôn Thông, xã Xuân Chinh	2026 - 2027		32.760	32.760	32.760	24.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
6	Cầu bản Tân Phúc	Bản Tân Phúc, xã Phú Lệ	2026 - 2027		15.000	15.000	15.000	11.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
7	Cầu Đồng Cốc tại Km25+200, ĐT.505B	Thôn Đồng Cốc, xã Xuân Thái	2026 - 2027		10.900	10.900	10.900	8.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
8	Cầu Tân Lập 1 tại Km7+300, ĐT.520C	Thôn Tân Lập, xã Như Xuân	2026 - 2027		14.930	14.930	14.930	11.400	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
9	Cầu Tân Lập 3 tại Km+943, ĐT.520C	Thôn Tân Lập, xã Như Xuân	2026 - 2027		22.540	22.540	22.540	16.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
10	Cầu thôn Chiềng Lầm	Thôn Chiềng Lầm, xã Điền Lư	2026 - 2027		13.720	13.720	13.720	10.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
11	Cầu thôn Niêm Thành	Thôn Niêm Thành, xã Pù Luông	2026 - 2027		12.500	12.500	12.500	9.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
12	Cầu Xay Luồi	Thôn Xay Luồi, xã Điền Quang	2026 - 2027		8.210	8.210	8.210	6.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030		Chủ đầu tư
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	Cầu khe Dân	Thôn Đồng Hả, xã Thượng Ninh	2026 - 2027		4.800	4.800	4.800	3.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
14	Cầu Co Cài	Bản Co Cài, xã Trung Lý	2026 - 2027		11.010	11.010	11.010	8.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
15	Cầu thôn Hành, xã Xuân Chinh	Thôn Hành đi thôn Chẽ Dài, xã Xuân Chinh	2026 - 2027		17.100	17.100	17.100	12.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
16	Cầu Na Ngoi	Thôn Na Nghịu, xã Yên Nhân	2026 - 2027		15.000	15.000	15.000	11.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
17	Cầu Na Lúm	Thôn Phổng, xã Bát Mọt	2026 - 2027		12.500	12.500	12.500	9.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
18	Cầu Sông Sạo	Thôn Chiềng Lăn, xã Giao An	2026 - 2028		30.400	30.400	30.400	22.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
19	Cầu Cây Si	Thôn Yên Cư xã Cẩm Vân	2026 - 2027		9.560	9.560	9.560	7.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
20	Cầu Nghện	Thôn Nghện, xã Thành Vinh	2026 - 2027		9.400	9.400	9.400	7.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
21	Cầu suối Đúc	Thôn Cỏ, xã Bá Thước	2026 - 2027		17.920	17.920	17.920	13.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
22	Cầu Bai Xóng	Thôn Xam, xã Minh Sơn	2026 - 2027		11.700	11.700	11.700	8.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
23	Cầu Khe Me	Thôn Hợp Tiến, xã Thanh Kỳ	2026 - 2027		27.000	27.000	27.000	20.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
24	Cầu khe Lươn, thôn Tân Xuân	Thôn Hồng Sơn, xã Yên Thọ	2026 - 2027		20.100	20.100	20.100	15.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
25	Cầu Khe Sinh	Thôn Phú Phụng 4, xã Mậu Lâm	2026 - 2027		10.590	10.590	10.590	8.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
26	Cầu Làng Kèn	Làng Kèn, xã Thanh Phong	2026 - 2027		6.080	6.080	6.080	4.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030		Chủ đầu tư
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
27	Cầu Suối Ón	Xã Tam Chung	2026 - 2027		15.850	15.850	15.850	11.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
28	Cầu bản Máy 2	Bản Máy, xã Quan Sơn	2026 - 2027		11.720	11.720	11.720	8.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
29	Cầu bản Na Pọng 3, xã Na Mèo	Bản Na Pọng, xã Na Mèo	2026 - 2027		13.400	13.400	13.400	10.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
30	Cầu bản Chí lý Nặm Đanh	Bản Chí Lý Nặm Đanh, xã Yên Khương	2026 - 2028		13.850	13.850	13.850	10.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông

**Phụ biểu 2: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRƯỜNG HỌC KHU VỰC MIỀN NÚI KHỎI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến chủ đầu tư
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>357.368</b>	<b>357.368</b>	<b>357.368</b>	<b>250.000</b>	
1	Trường Mầm non Sơn Hà	Xã Tam Lư	2026 - 2028		25.203	25.203	25.203	18.000	UBND xã Sơn Hà
2	Trường Mầm non Thiết Ống	Xã Thiết Ống	2026 - 2027		12.686	12.686	12.686	9.000	UBND xã Thiết Ống
3	Trường Mầm non Tam Thanh	Xã Tam Thanh	2026 - 2028		29.935	29.935	29.935	21.000	UBND xã Tam Thanh
4	Trường Mầm non Sơn Điện	Xã Sơn Điện	2026 - 2027		18.000	18.000	18.000	12.600	UBND xã Sơn Điện
5	Trường Mầm non Thanh Lâm	Xã Thanh Phong	2026 - 2027		10.916	10.916	10.916	8.000	UBND xã Thanh Phong
6	Trường Mầm non Luận Thành	Xã Luận Thành	2026 - 2027		14.418	14.418	14.418	10.500	UBND xã Luận Thành
7	Trường Mầm non Lương Nội	Xã Quý Lương	2026 - 2027		13.403	13.403	13.403	9.500	UBND xã Quý Lương
8	Trường Mầm non Trung Thành	Xã Trung Thành	2026 - 2027		11.854	11.854	11.854	8.500	UBND xã Trung Thành
9	Trường Mầm non Trung Hạ	Xã Trung Hạ	2026 - 2027		12.000	12.000	12.000	8.500	UBND xã Trung Hạ
10	Trường mầm non Xuân Lệ	Xã Xuân Chinh	2026 - 2027		15.000	15.000	15.000	10.500	UBND xã Xuân Chinh
11	Trường Mầm non Giao An (Khu Chiềng Nang)	Xã Giao An	2026 - 2027		10.000	10.000	10.000	7.000	UBND xã Giao An
12	Trường Mầm non Xuân Thái	Xã Xuân Thái	2026 - 2027		13.000	13.000	13.000	9.500	UBND xã Xuân Thái
13	Trường Mầm non Yên Cát	Xã Như Xuân	2026 - 2027		17.500	17.500	17.500	12.500	UBND xã Như Xuân

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Dự kiến nhu cầu kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030		Dự kiến chủ đầu tư
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	Trường Mầm non Nam Xuân	Xã Nam Xuân	2026 - 2027		16.000	16.000	16.000	11.500	UBND xã Nam Xuân
15	Trường Mầm non Thiên Phú	Xã Thiên Phú	2026 - 2027		12.000	12.000	12.000	8.500	UBND xã Thiên Phú
16	Trường Mầm non Tân Phúc	Xã Đồng Lương	2026 - 2027		13.000	13.000	13.000	9.500	UBND xã Đồng Lương
17	Trường Mầm non Lâm Phú	Xã Văn Phú	2026 - 2027		13.000	13.000	13.000	9.500	UBND xã Văn Phú
18	Trường mầm non Văn Nho	Xã Văn Nho	2026 - 2027		14.000	14.000	14.000	10.000	UBND xã Văn Nho
19	Trường TH&THCS Xuân Lộc	Xã Thắng Lộc	2026 - 2028		39.185	39.185	39.185	25.900	UBND xã Thắng Lộc
20	Trường TH&THCS Xuân Quỳ	Xã Hóa Quỳ	2026 - 2028		46.268	46.268	46.268	30.000	UBND xã Hóa Quỳ